

## MỤC LỤC

### TỔNG QUAN VỀ TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Toàn cảnh CMC 20 năm hình thành phát triển	06
Lĩnh vực kinh doanh	08
Bộ máy tổ chức / quản trị	09
Định hướng chiến lược	10
Đánh giá rủi ro	11

### CÁC HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT NĂM 2012

15

### BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2012	18
Kế hoạch kinh doanh năm 2013	23

### BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá tình hình của Tập đoàn 2012	33
Các hoạt động nổi trội của HDQT	33
Kế hoạch hoạt động của HDQT năm 2013 và các năm tiếp theo	35

### QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	39
Ban kiểm soát	40
Các giao dịch, thủ tục và các khoản lợi ích của HDQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	41

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

43

## THÔNG TIN TÓM TẮT TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Tên đăng ký kinh doanh:	Công ty cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và thuế thu nhập cá nhân số:	ĐK/KD số 010244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã ngày 03/02/2007, thay đổi lần thứ 1 ngày 09/11/2011.
Năm thành lập:	01/05/1993
Mã số thuế:	043.791.0008 / 26
Trụ sở:	CMC Tower, phố Duy Tân, phường Dien Vong Hanoi, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại:	043.791.0008 / 26 Fax: 043.793.9909
Địa chỉ website:	CNTT - MobiFone - CMCC
Vốn điều lệ:	673.419.529.000 VNĐ
Vốn điều lệ của thành viên:	673.419.529.000 VNĐ
Loại hình kinh doanh:	673.419.529.000 VNĐ
Mã số thuế:	043.791.0008
Tên đăng ký kinh doanh:	Công ty Cổ phần Công nghệ CMC
Nơi đăng ký:	Thị trấn Cát Phê, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng
Ngày cấp giấy xác nhận:	22/01/2010

Thành lập Công ty cổ phần An ninh An toàn thông tin CMC; liên doanh với Segments-Dan Mạch thành lập CMC - SE (nay là Ciber-CMC).

Tháng 9: CMC Telecom hợp tác với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) thành lập Công ty cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (CMC TI).

Khai trương chi nhánh tại Đà Nẵng, đứng thứ 2 về thị phần cung cấp dịch vụ viễn thông chỉ sau 1 năm hoạt động.

Tháng 8: Thành lập Công ty TNHH CMC SI Saigon.

Tháng 1: Sáp nhập CMC Telecom và CMC TI thành công ty duy nhất CMC Telecom với tổng số vốn điều lệ 250 tỷ đồng.

Tháng 5: Kỷ niệm 20 năm thành lập Tập đoàn Công nghệ CMC.

**2008**

**2010**

**2011**

**2012**

**2013**

Chính thức niêm yết hơn 63,5 triệu cổ phiếu với mã CMG tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

Trở thành nhà đầu tư chiến lược duy nhất của Netnam, sở hữu 43,8% cổ phần của Công ty này.

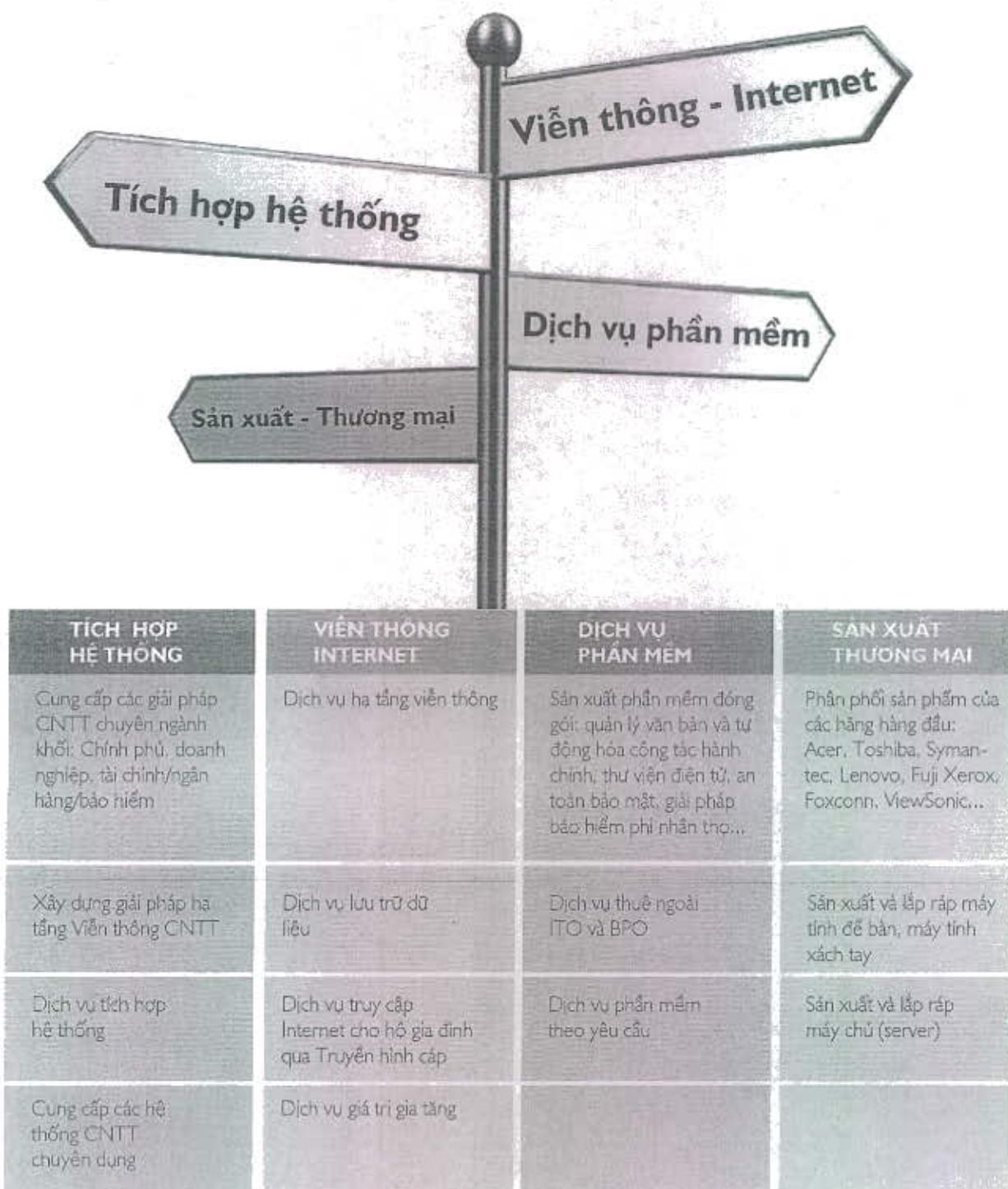
Tháng 4: Công ty CP Hạ Tầng Viễn Thông CMC chính thức khai trương cung cấp dịch vụ GigaNet dựa trên công nghệ FTTx - GPON lần đầu tiên triển khai tại Việt Nam.

Tháng 3: Tái cấu trúc lĩnh vực phân phối và sản xuất, đổi tên CMC D thành CMC P&T và sáp nhập một số mảng kinh doanh của CMS.

Tháng 4: CMC TI chính thức cung cấp dịch vụ Internet trên hệ thống Truyền hình cáp.

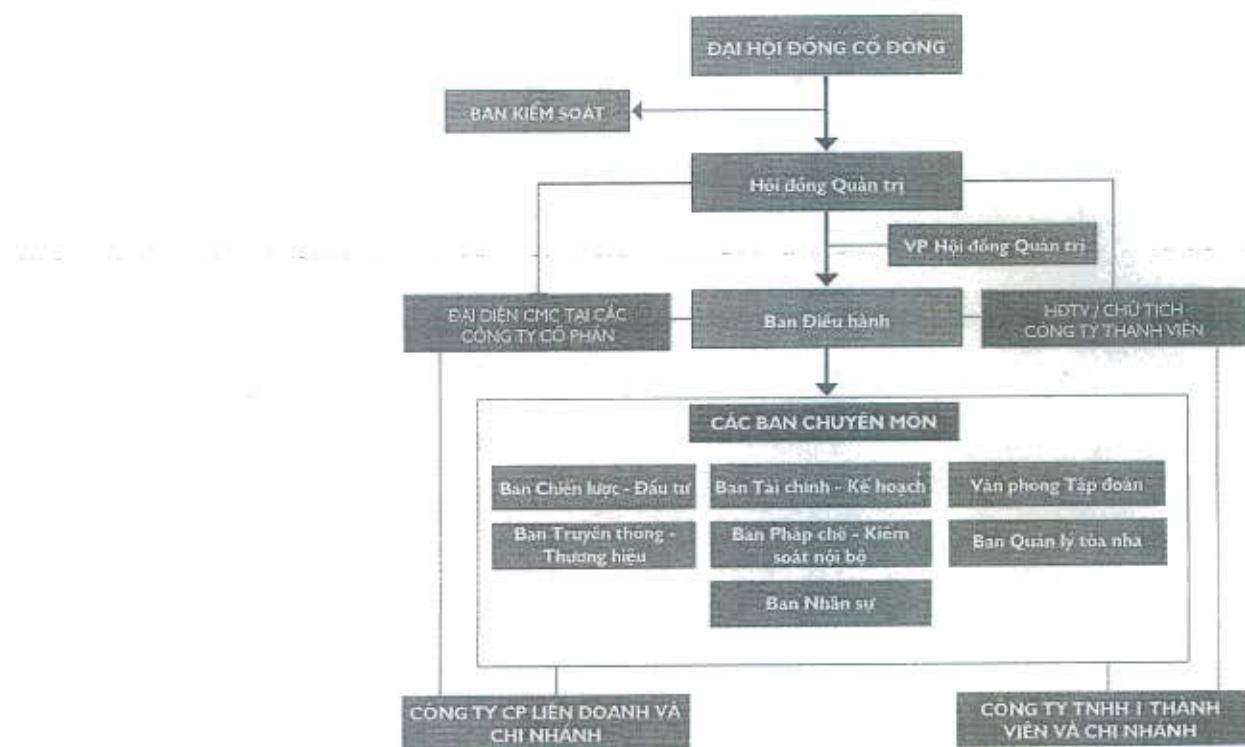
Tháng 10: CMC Telecom khai trương Data Center thứ 2 theo tiêu chuẩn Tier III tại Khu Công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh.

## LĨNH VỰC KINH DOANH



## BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ

### CƠ CẤU QUẢN TRỊ



### CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ



## CÁC CÔNG TY CON VÀ LIÊN KẾT

Danh sách các công ty thành viên, công ty liên doanh

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ (tỷ vnđ)	Vốn góp của CMC (tỷ vnđ)	Tỷ lệ vốn góp của CMC/VDL thực góp
1	Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	50	50	100%
2	Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn	20	CMC SI góp 20 tỷ	CMC SI sở hữu 100%
3	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	30	30	100%
4	Công ty TNHH Máy tính CMS	50	50	100%
5	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	100	100	100%
6	Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC	250	183	73,2%
7	Công ty CP An ninh An toàn Thông tin CMC	10	6	60%
8	Công ty CP Liên doanh CIBER - CMC	10	5	50%
9	Công ty NetNam	10	4,11	41,1%
10	Đại học Bắc Hà	37	2	5,4%

## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

- Tập đoàn CMC luôn tập trung kinh doanh trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và Viễn thông bao gồm Dịch vụ tích hợp hệ thống, Phần mềm (nội địa và xuất khẩu), Thương mại, Sản xuất thiết bị, Dịch vụ Viễn thông;
- Xây dựng và phát triển các dịch vụ CNTT chuyên nghiệp bao gồm dịch vụ tư vấn & triển khai, cung cấp giải pháp IT tổng thể, dịch vụ phần mềm. Tỷ trọng các dịch vụ CNTT chuyên nghiệp, có giá trị tăng cao sẽ chiếm tỷ trọng ngày càng lớn. Nghiên cứu & phát triển các dịch vụ XaaS dựa trên nền tảng công nghệ đám mây;
- Phát triển mạnh hạ tầng, dịch vụ viễn thông cho mảng Doanh nghiệp và mở rộng thị trường người dùng già dinh bằng dịch vụ Internet trên truyền hình cáp;
- Phát triển kinh doanh thương mại và sản xuất các thiết bị (máy tính, các thiết bị đầu cuối);
- Nghiên cứu và lựa chọn lĩnh vực phù hợp trong kinh doanh điện tử để đầu tư và phát triển, ưu tiên các lĩnh vực phục vụ doanh nghiệp;
- Tăng cường năng lực quản lý, nâng cao năng lực cốt lõi như chất lượng nguồn nhân lực, quy trình quản lý chất lượng, đặc biệt là năng lực nghiên cứu phát triển. Tái cơ cấu Tập đoàn nhằm tăng hiệu quả kinh doanh, giảm chi phí;
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư, mua bán hoặc sáp nhập các công ty để tạo thế đòn bẩy trên thị trường, đặc biệt là thị trường Viễn thông, Dịch vụ giá trị gia tăng và Thương mại điện tử;
- Mở rộng phát triển kinh doanh quốc tế trong các lĩnh vực ITO, BPO.

## ĐÁNH GIÁ RỦI RO

CMC đang trong quá trình hoàn thiện lại các quy định quản trị rủi ro từ cấp HĐQT, Ban điều hành Tập đoàn và Ban giám đốc các đơn vị thành viên. Trong quá trình tổ chức triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, với đặc thù của thị trường ngành CNTT và VT, công ty luôn tập trung vào kiểm soát các rủi ro chính sau đây:

### Rủi ro thị trường:

Là những biến động về nhu cầu đầu tư/mua sắm tiêu dùng các sản phẩm & dịch vụ CNTT và VT từ phía khách hàng, cạnh tranh từ các đối thủ trong ngành làm ảnh hưởng đến kế hoạch doanh số của công ty. Đặc biệt, trong bối cảnh kinh tế vĩ mô năm 2012, nhu cầu đầu tư IT của nhiều tổ chức doanh nghiệp đang có xu hướng giảm, công ty đánh giá đây là rủi ro lớn đối với hoạt động của mình.

**Biện pháp kiểm soát:** Công ty thực hiện việc xây dựng & kiểm soát kế hoạch kinh doanh bài bản, chi tiết từ mức Tập đoàn, đến các đơn vị thành viên và đến từng trung tâm kinh doanh. CMC đã ban hành và áp dụng Quy chế xây dựng kế hoạch kinh doanh áp dụng cho toàn hệ thống các đơn vị trong Tập đoàn nhằm nâng cao tính khả thi của kế hoạch kinh doanh. Kế hoạch kinh doanh được xây dựng và phản biện/bảo vệ ở cấp Ban điều hành đơn vị thành viên, Ban điều hành Tập đoàn và HĐQT. Kế hoạch kinh doanh được tổ chức đánh giá thường xuyên theo tháng/quý và được điều chỉnh kịp thời khi có các biến động lớn từ thị trường bao gồm các chỉ tiêu và các biện pháp thực thi.

### Rủi ro tín dụng:

Là rủi ro công ty không có khả năng thu hồi công nợ đến hạn làm ảnh hưởng đến dòng tiền và kết quả kinh doanh của công ty.

**Biện pháp kiểm soát:** Công ty đã ban hành và thực hiện các quy định quản lý công nợ và tín dụng. Bao gồm việc đánh giá xếp hạng khách hàng, cấp hạn mức tín dụng khách hàng theo kết quả xếp hạng. Tổ chức việc quản trị công nợ theo hạn mức. Các khoản công nợ quá hạn đều được tổ chức giám sát đánh giá hàng tuần và hàng tháng kèm theo các biện pháp thu hồi công nợ.

### Rủi ro chất lượng sản phẩm/dịch vụ:

Là các rủi ro do sản phẩm/dịch vụ kém chất lượng ảnh hưởng đến uy tín, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của công ty.

**Biện pháp kiểm soát:** Công ty ban hành các quy định nội bộ về cam kết chất lượng sản phẩm dịch vụ, quy trình cung cấp dịch vụ, quy trình triển khai dự án, bảo hành sản phẩm... Giám sát thường xuyên/định kỳ việc thực hiện quy định/quy trình về sản phẩm/dịch vụ đề ra, có các biện pháp kịp thời khi các có các vấn đề về chất lượng sản phẩm dịch vụ và các quy định không được thực hiện tuân thủ. Bên cạnh đó, công ty ưu tiên sử dụng sản phẩm/giải pháp các đối tác công nghệ hàng đầu thế giới, khi hợp tác tham gia tư vấn và cung cấp các giải pháp dịch vụ cho khách hàng của mình nhằm cung cấp cho khách hàng sản phẩm/giải pháp tối ưu nhất với chất lượng dịch vụ tốt.

### Rủi ro hàng tồn kho:

Là rủi ro hàng tồn kho của công ty chậm luân chuyển, lỗi mốt về công nghệ ảnh hưởng đến giá trị hàng tồn và hiệu quả hoạt động công ty.

**Biện pháp kiểm soát:** Công ty ban hành các quy định về quản lý hàng tồn kho trong đó có đưa ra các định mức thời gian lưu kho, các quy định về nhập hàng và xử lý hàng tồn kho chậm luân chuyển nhằm hạn chế ảnh hưởng của tồn kho quá hạn.

### Rủi ro thanh khoản:

Là rủi ro công ty mất cân đối về dòng tiền và không thực hiện đúng hạn các nghĩa vụ tài chính ngân hàng và nhà cung cấp.

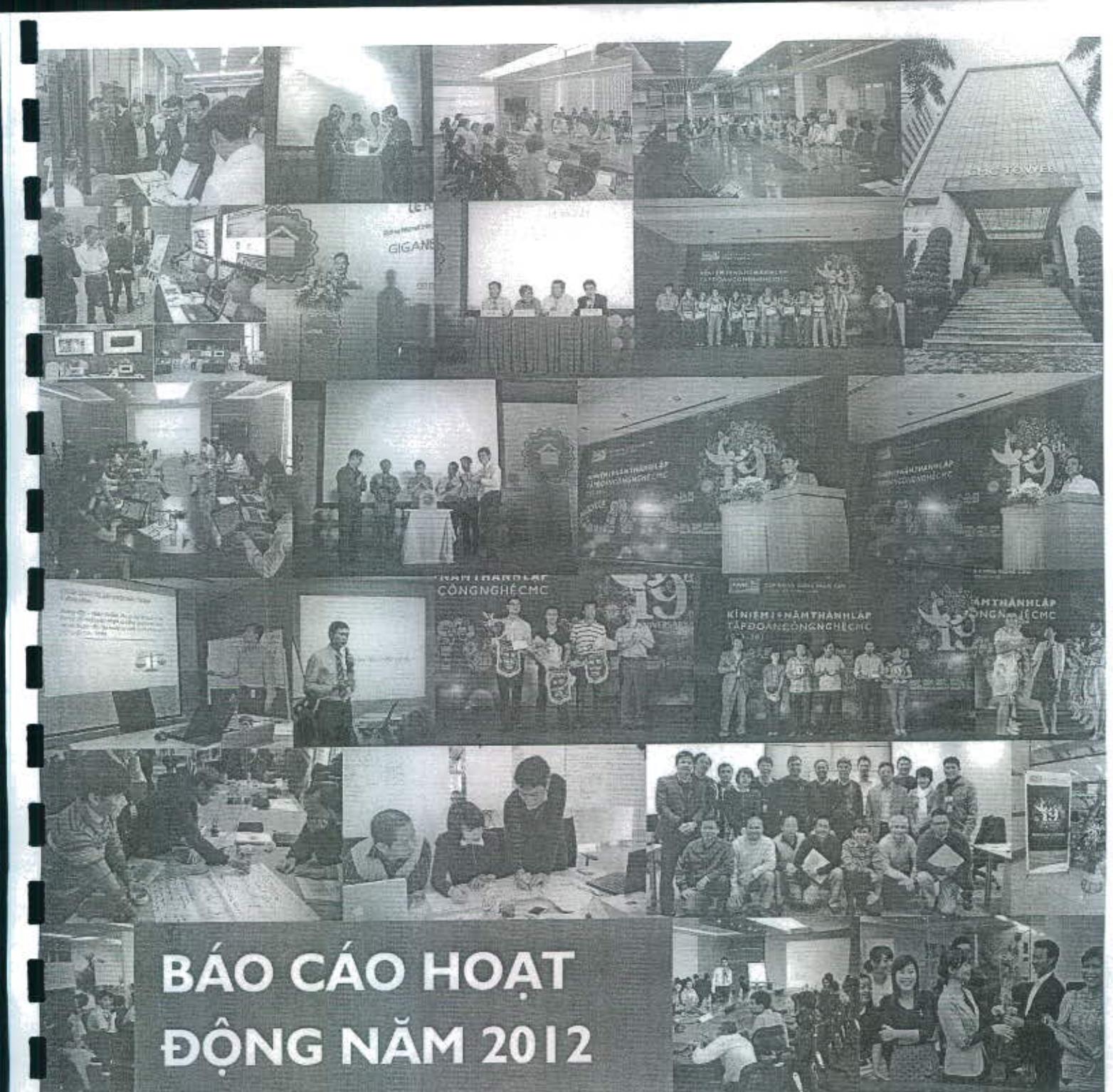
**Biện pháp kiểm soát:** Công ty có các quy định về cơ cấu nguồn vốn ứng với từng đơn vị thành viên đảm bảo hệ số thanh toán luôn ở mức trên 1.0. Đối với các dự án đầu tư dài hạn duy trì tỷ lệ cơ cấu tài trợ vốn vay/vốn chủ là 65/35. Duy trì quan hệ và hạn mức tín dụng với các ngân hàng lớn đảm bảo luôn đủ vốn cho kế hoạch kinh doanh và đầu tư. Quản trị dòng tiền được tập trung quản lý thông qua kế hoạch dòng tiền hàng tháng/tuần.

### Rủi ro nhân sự:

Là rủi ro công ty không duy trì và ổn định được bộ máy tổ chức khi có biến động về các nhân sự chủ chốt.

**Biện pháp kiểm soát:** Công ty ưu tiên xây dựng/điều chỉnh các chính sách nhân sự có khả năng thu hút và tạo động lực cho cán bộ công nhân viên, như các quy chế lương/thưởng, quy chế KPI, gắn thu nhập với kết quả đóng góp của từng cá nhân, ngoài ra còn thực hiện các chính sách đãi ngộ người lao động đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường.





# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2012



## CÁC HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT NĂM 2012

### I. Hợp nhất CMC Telecom & CMC TI đồng thời tăng vốn điều lệ lên 250 tỷ đồng



Ngày 07/01/2013, Tập đoàn Công nghệ CMC chính thức công bố hoàn thiện hợp nhất hai công ty là Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC & Công ty CP Dịch vụ Viễn thông CMC thành công ty duy nhất hoạt động trong lĩnh vực Viễn thông - Internet là Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC (CMC Telecom). Đây là một bước đi quan trọng trong chiến lược phát triển của CMC trong lĩnh vực viễn thông. Cùng với chiến lược hợp nhất, tập đoàn quyết định tăng vốn điều lệ của CMC Telecom lên 250 tỷ đồng. Sự kiện này đã đánh dấu bước chuyển đổi quan trọng của CMC Telecom, khiến đơn vị này trở thành công ty có quy mô lớn nhất của CMC hiện nay về: số nhân viên, vốn chủ sở hữu, quy mô đầu tư...

### 2. CMC SI Saigon tham gia dự án lớn nhất ngành chứng khoán Việt Nam của Hose và KRX



Tháng 12/2012, tại TP.HCM, đã diễn ra Lễ ký kết Hợp đồng Dịch vụ CNTT giữa Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hàn Quốc (KRX). CMC SI Saigon tham gia với tư cách là đối tác triển khai. Tổng giá trị dự án là hơn 28 triệu USD (tương đương hơn 600 tỷ VNĐ) cho thời hạn 5 năm. Dự án nhằm xây dựng một giải pháp CNTT đồng bộ và tích hợp toàn diện các nghiệp vụ bao gồm: giao dịch, thanh toán bù trừ, lưu ký, đăng ký, giám sát thị trường, điểm truy cập thông tin, công bố và phân phối thông tin hướng tới các thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

### 3. CMC SI tăng 15 hạng trong Bảng xếp hạng 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam

Theo danh sách công bố trên trang VNR 500 năm 2012, CMC SI tiếp tục nằm trong Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam, tăng 15 bậc so với năm ngoái. Kết quả này thể hiện tốc độ phát triển vượt bậc của CMC SI trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động suy giảm. Kết thúc năm tài chính 2012, CMC SI đạt doanh thu 560 tỷ đồng, hoàn thành hơn 90% kế hoạch lợi nhuận. Kết quả này một lần nữa khẳng định vị trí đầu tàu, là "người anh cả" của CMC SI trong Tập đoàn.

### 4. Khai trương Data Center thứ 2 tại Tp.HCM



Ngày 12/10/2012, CMC Telecom chính thức khai trương Data Center đặt tại Khu Công nghệ cao TP Hồ Chí Minh. Với hệ thống hạ tầng thiết bị đạt chuẩn Tier III, CMC Telecom tự tin đáp ứng được toàn bộ các yêu cầu về an toàn, bảo mật, và giá tăng tối đa dịch vụ tiện ích cho những khách hàng khó tính nhất. Việc khai trương thêm một Trung tâm dữ liệu tại Khu công nghệ cao tại Hồ Chí Minh cùng với Data Center đặt tại CMC Tower - Hà Nội là một bước tiến nằm trong lộ trình phát triển sản phẩm của CMC Telecom ở thị trường phía Nam.

## 5. Chính thức cung cấp dịch vụ Internet trên mạng Cáp truyền hình VTV



Ngày 6/3/2013, tại Hà Nội, CMC Telecom và Truyền hình cáp Việt Nam (VTCab) chính thức ký kết hợp đồng hợp tác chiến lược và triển khai cung cấp dịch vụ Internet trên hạ tầng mạng truyền hình cáp của Truyền hình Cáp Việt Nam. Theo đó, các khách hàng của VTCab có thể dễ dàng kết nối Internet với tốc độ đường truyền cao và giá thành rẻ hơn từ 5-10% so với dịch vụ ADSL truyền thống. Dịch vụ chính thức được cung cấp từ tháng 8/2013 và đặt mục tiêu có khoảng 200.000 thuê bao VTCab sử dụng dịch vụ GigaNet Home.

## 6. Nâng cấp eDocman Plus giúp thay đổi đột phá hiệu quả điều hành



eDocman Plus là phiên bản nâng cấp của phần mềm eDocman™ hiện đang được ứng dụng thành công tại trên 150 cơ quan Bộ, ngành, UBND tỉnh/thành/quận/huyện, ngân hàng, doanh nghiệp trên khắp cả nước. eDocman Plus được coi là sản phẩm chủ lực của Khối Sản phẩm CMCSOFT và có lịch sử phát triển hơn 10 năm.

## 7. Ra mắt CMC Mobile Security 2013 trên iOS và Windows Phone



Ngày 18/3/2013, CMC Infosec đã cho ra mắt phiên bản CMC Mobile Security (CMS) chạy trên nền tảng iOS và Windows Phone, sau gần một năm chính thức ra mắt phiên bản chạy trên hệ điều hành Android. Phiên bản lần này mang đến cho người dùng di động sự an toàn tuyệt đối khi duyệt web, ngăn chặn những đoạn mã nguy hiểm đâm bảo người dùng không thể truy cập vào những trang web độc hại. Theo đánh giá của thị trường đây là một trong ít sản phẩm bảo mật hiệu quả nhất dành cho di động tại Việt Nam hiện nay.

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

## BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH 2012

### Đánh giá tình hình thị trường

#### Các chỉ tiêu vĩ mô

GDP 2012 đạt 5.03% (2011: 5.89%); Xuất khẩu tăng 18%, nhập khẩu: tăng 8.5%, xuất siêu: 28 triệu USD; đầu tư ngân sách tăng 15%, FDI giảm 16%, CPI tăng 6.81% (2011: 18.13%), tỷ giá ổn định, lãi suất giảm về mức 11-13%, tín dụng tăng 1.4%, huy động tăng 11.23%.

Các yếu tố bất lợi: tốc độ tăng trưởng kinh tế vĩ mô giảm, tín dụng cho nền kinh tế giảm mạnh, vốn đầu tư khởi doanh nghiệp giảm và số lượng doanh nghiệp giải thể/ngừng hoạt động lớn.

Các yếu tố tích cực: lạm phát giảm về mức 1 con số, lãi suất giảm, xuất siêu làm tỷ giá ổn định.

#### Thị trường CNTT:

- Linh vực tích hợp: các thị trường truyền thống cũng chưa có nhiều khởi sắc. Khối tài chính công nhiều chương trình đầu tư tiến độ bị chậm, khối ngân hàng tài chính có nhiều ảnh hưởng từ chương trình tái cấu trúc ngân hàng nên giãn tiến độ đầu tư, khối chính phủ không có nhiều dự án triển khai, khối doanh nghiệp nhà nước đang giảm dần ngân sách đầu tư.
- Linh vực phân phối và lắp ráp: nhu cầu máy tính xách tay không có tăng trưởng, tốc độ giảm giá cao, vòng đời sản phẩm/công nghệ ngắn, cạnh tranh đang ngày càng mạnh giữa các hãng máy tính nước ngoài. Xu hướng dịch chuyển nhu cầu qua các thiết bị di động như máy tablet ngày càng cao.
- Linh vực phần mềm: nhu cầu đầu tư các ứng dụng ở các thị trường chính phủ, doanh nghiệp chưa có nhiều khởi sắc, thị trường giá công nước ngoài cũng đang trong giai đoạn suy thoái và không có tăng trưởng trong năm qua. Các sản phẩm dịch vụ của CMC trong lĩnh vực phần mềm có thị trường hẹp và quy mô không lớn.
- Linh vực viễn thông: Nhu cầu băng rộng vẫn tiếp tục tăng ở mức 15% (theo IDC). Tuy nhiên cạnh tranh trên thị trường ngày càng lớn. Đặc biệt là các ISP lớn như Viettel, VNPT, các nhà mạng tung nhiều chương trình khuyến mãi, giảm giá, tăng băng thông cam kết để thu hút và giữ chân khách hàng. Các nhà mạng lớn còn có xu hướng tăng chi phí băng thông khi các ISP nhỏ đi thuê lại hạ tầng.

#### Kết quả kinh doanh 2012

### Đánh giá kết quả kinh doanh 2012

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011	KH2012	% KH năm 2012	Tỷ lệ tăng trưởng
<b>Hiệu quả kinh doanh</b>					
Tổng doanh thu thuần	2,859,991	3,144,159	3,746,364	76%	-9%
Trong đó: Doanh thu thuần hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết & nội bộ)	2,531,407	2,780,068	3,632,222	70%	-9%
Giá vốn hàng bán	2,462,457	2,803,669	3,209,504	77%	-12%
Lãi gộp	397,534	340,491	536,860	72%	17%
Chi phí hoạt động	311,397	331,888	362,054	86%	-6%
Chi phí/(doanh thu) tài chính (net)	65,234	117,019	101,422	64%	-44%
Thu/(chi phí khác) (net)	(249)	58	3.789	230%	-40%
Lợi nhuận trước thuế	20,653	(108,359)	77,172	27%	119%
Loại trừ hợp nhất	6,641	(6,796)	11,657	57%	198%
Lợi nhuận sau hợp nhất	14,012	(101,563)	65,515	21%	114%
<b>Chỉ tiêu tài chính</b>					
Tỷ lệ lãi gộp	13,9%	10,8%	14,3%	94,8%	31,0%
Lợi nhuận trước thuế/doanh thu	0,7%	-3,4%	2,1%	35,1%	121,0%
Chi phí hoạt động/doanh thu	10,9%	10,6%	9,7%	112,7%	3,1%
Chi phí tài chính/doanh thu	2,3%	3,7%	2,7%	84,3%	-38,7%

Cho mục đích phân tích số liệu trên đây bao gồm doanh thu, giá vốn, chi phí của các công ty liên doanh, liên kết, do vậy có sự khác biệt về số liệu với báo cáo tài chính hợp nhất.

Nhìn chung năm 2012 là năm nền kinh tế nói chung và thị trường CNTT vẫn còn nhiều khó khăn. Tập đoàn cũng đã nỗ lực cải thiện kết quả hoạt động của các lĩnh vực yếu kém năm 2011 như tái cấu trúc CMCD và CMS trong lĩnh vực phân phối và lắp ráp, sáp nhập CMC Telecom và CMC TI trong lĩnh vực viễn thông, cắt giảm các sản phẩm dịch vụ có hiệu quả kém như Bluefone, máy tính xách tay CMS, máy tính HP..., kiểm soát và cắt giảm nhân sự ở lĩnh vực và thị trường có khó khăn trong năm (phân phối lắp ráp, phần mềm), đầu tư có trọng điểm vào các lĩnh vực tiềm năng như viễn thông (Internet trên truyền hình cáp), đầu tư các giải pháp dịch vụ chuyên nghiệp trong lĩnh vực tích hợp và bổ sung/hoàn thiện năng lực quản trị để tăng năng lực và hiệu quả hoạt động. Mặc dù hoạt động của Tập đoàn đã có lợi nhuận năm 2012 tuy nhiên kết quả này vẫn còn thấp hơn kế hoạch đề ra.

+ **Doanh thu giảm 9%** so với cùng kỳ năm trước, và chỉ đạt 76% kế hoạch. Suy giảm tổng doanh thu chủ yếu là do lĩnh vực phân phối giảm 27% so với năm trước do khó khăn chung về thị trường tiêu thụ, một số sản phẩm phân phối kém hiệu quả đã được chủ động cắt giảm so với năm trước như (điện thoại di động BlueFone, máy tính HP, máy tính xách tay CMS), doanh số lĩnh vực này cũng chỉ đạt 73% kế hoạch đầu năm. Các lĩnh vực có tăng trưởng so với năm trước gồm: tích hợp tăng 12%, viễn thông tăng 39%. Phần mềm suy giảm 22% so với năm trước. Do khó khăn chung từ thị trường, các lĩnh vực chỉ đạt được 71% đến 96% kế hoạch doanh số (Xem chi tiết phân đánh giá kết quả kinh doanh theo lĩnh vực ở phần 2).

+ **Lợi nhuận trước thuế** đã cải thiện đáng kể so với năm trước từ mức lỗ trên 100 tỷ về mức lãi trước thuế 14 tỷ. Tuy nhiên mới chỉ đạt 21% kế hoạch. Lĩnh vực tích hợp có mức tăng trưởng cao về lợi nhuận, đạt 73% so với năm trước. Lĩnh vực viễn thông đã có lãi 14 tỷ so với mức lỗ 30 tỷ năm trước. Lĩnh vực phân phối lắp ráp đã giảm lỗ so với năm trước từ mức lỗ gần 90 tỷ xuống mức lỗ gần 17 tỷ, phân phối tiếp tục thua lỗ do lãi gộp của máy tính thấp không bù đắp đủ chi phí (mặc dù chi phí tài chính và hoạt động đã giảm đáng kể). Lĩnh vực phần mềm giảm lãi do doanh số suy giảm. Tỷ lệ hoàn thành lợi nhuận đạt thấp do doanh số các lĩnh vực không đạt kế hoạch, tỷ lệ lãi gộp thực hiện trong lĩnh vực phân phối và viễn thông không đạt mục tiêu đề ra do cạnh tranh giảm giá trên thị trường.

+ **Chi phí hoạt động:** Chi phí hoạt động giảm 6% so với năm trước. Lĩnh vực phân phối và lắp ráp tái cơ cấu, giảm quy mô nhân lực làm chi phí hoạt động lĩnh vực này giảm 35%. Lĩnh vực viễn thông chi phí hoạt động tăng trên 29% do tăng quy mô doanh số. Lĩnh vực phần mềm và tích hợp có chi phí thấp hơn năm trước. Chi phí hoạt động của Tập đoàn và các lĩnh vực đều thấp hơn kế hoạch đề ra.

+ **Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính đã giảm đáng kể và chỉ bằng 54% so với năm trước và thấp hơn kế hoạch đề ra. Vòng quay, hạn mức tồn kho và công nợ đã được cải thiện đáng kể so với năm trước, công tác quản trị dự án và hợp đồng có cải thiện đáng kể làm giảm thời gian triển khai. Dư nợ vay ngắn hạn và lãi suất vay bình quân giảm giúp chi phí lãi vay trong năm giảm.

#### Đánh giá kết quả kinh doanh theo lĩnh vực

Lĩnh vực Công ty	DOANH THU					LỢI NHUẬN				
	Năm 2012	Năm 2011	KH 2012	% KH 2012	Tỷ lệ tăng trưởng	Năm 2012	Năm 2011	KH 2012	% KH 2012	Tỷ lệ tăng trưởng
Dịch vụ Tích hợp	916,939	819,951	1,160,000	79%	12%	18,557	10,702	24,300	76%	73%
Phân phối & Lắp ráp	1,306,366	1,795,002	1,800,000	73%	-27%	(16,735)	(89,482)	10,000	-167%	81%
Dịch vụ Phần mềm	95,311	122,157	134,008	71%	-22%	830	2,749	12,200	7%	-70%
Dịch vụ Viễn thông	459,597	329,662	567,356	81%	39%	13,994	(31,192)	20,640	68%	145%
Khác	81,778	77,387	85,000	96%	6%	4,006	(1,135)	10,033	40%	453%
<b>Tổng</b>	<b>2,859,991</b>	<b>3,144,159</b>	<b>3,746,364</b>	<b>76%</b>	<b>-9%</b>	<b>20,653</b>	<b>(108,359)</b>	<b>77,172</b>	<b>27%</b>	<b>119%</b>
Loại trừ hợp nhất	328,584	364,091	114,142	288%	-10%	6,641	(6,796)	11,657	57%	198%
Báo cáo hợp nhất	2,531,407	2,780,068	3,632,222	70%	-9%	14,012	(101,563)	65,515	21%	114%

### **Lĩnh vực tích hợp hệ thống:**

- \* Kết quả kinh doanh: Doanh thu năm tăng trưởng 12%, hoàn thành 79% kế hoạch và lợi nhuận tăng 73% hoàn thành 76% kế hoạch. Tích hợp đã có đóng góp tích cực trong kết quả chung của Tập đoàn, hiệu quả kinh doanh cải thiện. Kết quả đến từ những chuyển biến tích cực về năng lực quản trị, năng lực kinh doanh và giải pháp.
- \* Năng lực kinh doanh: Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, lĩnh vực tích hợp vẫn bám sát và giữ vững được khách hàng truyền thống: ngân hàng, tài chính công, tỷ lệ hoàn thành doanh số ở mức cao tuy nhiên một số thị trường bị ảnh hưởng từ yếu tố vĩ mô như khối doanh nghiệp, khối chính phủ và giáo dục bị ảnh hưởng bởi đầu tư giảm.
- \* Năng lực giải pháp/dịch vụ: Duy trì thế mạnh về năng lực giải pháp/dịch vụ hạ tầng cho các thị trường trọng điểm. Phát triển các giải pháp/dịch vụ chuyên nghiệp: đóng gói/quy trình hóa các dịch vụ chuyên nghiệp, chủ động triển khai marketing đến khách hàng. Kết quả là doanh thu dịch vụ chuyên nghiệp đã có bước tăng trưởng đáng kể, ngoài ra đã đóng góp tích cực và hiệu quả cho khối kinh doanh và hạ tầng. Các giải pháp chuyên ngành cũng đang được hoàn thiện và thúc đẩy thương mại hóa.

### **Lĩnh vực phân phối:**

- \* Kết quả kinh doanh: Doanh số sụt giảm 27% so với năm trước và chỉ đạt 73% kế hoạch năm. Doanh số suy giảm, lợi nhuận gộp thấp do thị trường không có tăng trưởng, cạnh tranh cao, bên cạnh đó lỗ do xử lý hàng BlueFone tồn đọng và ứ đọng vốn thuế VAT đầu vào làm cho lĩnh vực này tiếp tục thua lỗ năm 2012, mặc dù đã có sự cắt giảm và thu hẹp quy mô nhân sự từ 214 người đầu năm xuống 158 người (giảm 26%).
- \* Năng lực kinh doanh & sản phẩm: Thị trường máy tính không có sự tăng trưởng trong năm, các hãng đối tác của CMC (HP, Lenovo, Acer...) đều bị sụt giảm thị phần, các sản phẩm máy tính đều có tỷ lệ lãi gộp rất thấp chỉ từ 3-4%, sản phẩm có tỷ lệ lãi gộp cao như máy tính để bàn, máy in có tỷ lệ đóng góp vào doanh số thấp. Hệ thống đại lý đã được sàng lọc để tập trung kinh doanh tại hai thị trường trọng điểm là Hà Nội và TP.HCM phù hợp với quy mô công ty.

### **Lĩnh vực phần mềm**

- \* Kết quả kinh doanh: Doanh thu lĩnh vực phần mềm giảm 22% so với số năm trước và chỉ đạt 71% kế hoạch năm, lợi nhuận đạt ở mức thấp và giảm so với năm trước. Kết quả kinh doanh suy giảm và không đạt kế hoạch đề ra do các nguyên nhân từ thị trường (khối chính phủ bị cắt giảm nhiều). Mặc dù đã có những điều chỉnh quy mô công ty giảm 24% nhân lực, tuy nhiên do mức doanh thu thực hiện thấp nên lợi nhuận ở mức thấp.
- \* Năng lực kinh doanh và sản phẩm: Trong thời điểm khó khăn, kinh doanh cũng đã tập trung vào các thị trường và khách hàng trọng điểm tạo sự tin cậy các khách hàng truyền thống, nhiều dự án điển hình đã triển khai thành công năm 2012 tạo tiền đề cho các năm tiếp theo. Phát triển các sản phẩm mới như phần mềm kế toán online và triển khai thương mại.

### **Lĩnh vực viễn thông**

- \* Kết quả kinh doanh: Doanh thu viễn thông tăng 39% và đạt 81% kế hoạch năm. Lợi nhuận đạt 68% kế hoạch năm. Đây là năm đầu tiên CMCTelecom có lợi nhuận sau 4 năm đầu tư, và đạt mục tiêu trong đề án đầu tư viễn thông mà CMC đã hoạch định. Các dịch vụ viễn thông cơ bản đều có tăng trưởng cao so với năm trước. Dịch vụ Internet trên truyền hình cáp đang có lợi thế cạnh tranh và tăng trưởng cao, với kết quả hợp tác với các Đài truyền hình sẽ giúp công ty mở rộng dịch vụ này cho các hộ gia đình.
- \* Năng lực kinh doanh, dịch vụ và hạ tầng: Ngoài 03 thị trường trọng điểm là Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, CMC Telecom đã hợp tác với các đài truyền hình cáp địa phương phát triển ra các thị trường mới như: Hải Phòng, Khánh Hòa, Bình Dương. Trong năm cũng đã ký kết hợp tác với Truyền hình cáp Việt Nam VTVCab là đối tác chiếm thị phần lớn về truyền hình cáp và có hạ tầng rộng, tạo tiền đề tốt cho việc mở rộng thị trường dịch vụ EoC.

**Hoạt động quản trị**

Các hoạt động xây dựng năng lực quản trị cũng đã được củng cố và tăng cường trong năm 2012, nhằm giảm thiểu các rủi ro trong kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động ở cấp Tập đoàn và các đơn vị thành viên, bao gồm:

- Tổ chức xây dựng công tác hoạch định chiến lược, kế hoạch kinh doanh và đầu tư hàng năm đối với các các đơn vị thành viên, giám sát định kỳ hàng tháng/quý tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh các đơn vị, kịp thời đưa ra các biện pháp thực thi các kế hoạch kinh doanh.
- Hỗ trợ các đơn vị thực hiện các dự án lớn, huy động vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, các hỗ trợ về nhân sự, pháp lý, đầu tư...
- Kiểm soát các rủi ro lớn tại đơn vị thông qua hoạt động kiểm soát hạn mức và phê duyệt các giao dịch vượt thẩm quyền các đơn vị thành viên.
- Bổ sung và hoàn thiện các chính sách quản trị: tài chính, nhân sự, đầu tư... nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, kiểm soát rủi ro.
- Phê duyệt, kiểm soát các hoạt động đầu tư tại các đơn vị thành viên.

**Một số kết quả đạt được trong hoạt động quản trị:**

**Lĩnh vực tích hợp hệ thống:** Năng lực quản trị hợp đồng và dự án đã ngày càng hoàn thiện đóng góp tích cực vào nâng cao hiệu quả dự án, tối ưu chi phí triển khai, chi phí tài chính và đã có đóng góp tích cực làm tăng tỷ lệ lợi nhuận.

**Lĩnh vực phân phối:** Sau sáp nhập hoạt động phân phối và lắp ráp, mô hình tổ chức đã có thay đổi theo hướng thu hẹp cho phù hợp với chiến lược kinh doanh mới. Sau tái cấu trúc đã tiếp tục cắt giảm trên 26% tinh từ đầu năm 2012 xuống còn 158 người. Quy trình quản lý như hệ thống ERP, quy trình kinh doanh cũng được sửa đổi phù hợp với quy mô của công ty. Hệ thống đại lý đã được xếp hạng và xây dựng các chính sách kinh doanh phù hợp. Công nợ đã được kiểm soát, tỷ lệ hàng tồn kho hàng tháng dù đã có giảm đáng kể so với năm trước tuy chưa đạt mục tiêu đề ra.

**Lĩnh vực phần mềm:** Bộ máy tổ chức đã được tinh gọn cho phù hợp với quy mô công ty, công tác quản trị hợp đồng, dự án đã được hoàn thiện và điều chỉnh, việc kiểm soát phạm vi / tiến độ triển khai dự án đã có những tiến bộ so với năm trước.

**Lĩnh vực viễn thông:** Sáp nhập hai đơn vị viễn thông CMC TI và CMC Telecom nhằm tối ưu hoá bộ máy hoạt động, tối ưu hoá hạ tầng và dịch vụ, tăng quy mô và năng lực công ty. Cùng với mở rộng quy mô và địa bàn hoạt động, bộ máy tổ chức của CMCTelecom cũng đã được điều chỉnh/bổ sung, quy mô nhân sự tăng từ 418 lên 559 người (tăng 34%). Hệ thống CCBS (quản lý và tính cước) và phần mềm kế toán đang được đầu tư nâng cấp đáp ứng cho việc quản lý triển khai và mở rộng hạ tầng trong thời gian tới.

**Hoạt động đầu tư  
và Phát triển  
dịch vụ**

**Các hoạt động đầu tư năm 2012:**

- Tiếp tục đầu tư mở rộng hạ tầng Internet băng rộng, mở rộng hợp tác với Đài truyền hình Cáp Việt Nam và truyền hình địa phương phát triển dịch vụ Internet trên truyền hình cáp tại Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng và các tỉnh lân cận khác như: Hải Phòng, Khánh Hòa, Cần Thơ, Bình Dương. Tổng đầu tư là gần 80 tỷ đồng.
- Đầu tư phát triển phần mềm kế toán và các ứng dụng online. Phát triển các dịch vụ an ninh, an toàn thông tin.
- Hợp tác đầu tư dự án cáp biển APG với giá trị 5 triệu đô la Mỹ nhằm chủ động hạ tầng và tiết giảm chi phí băng thông quốc tế. Dự án dự kiến sẽ hoàn thành và đi vào khai thác năm 2014.

**Tình hình tài chính**

Chi tiêu	Năm 2012	Năm 2011	% tăng giảm
<b>TÀI SẢN &amp; NGUỒN VỐN</b>			
<b>1. Tài sản</b>	1.673.047	1.530.007	9%
Ngắn hạn	979.343	1.053.756	-7%
Dài hạn	693.704	476.251	46%
<b>2. Nguồn vốn</b>	1.673.047	1.530.007	9%
Nợ ngắn hạn	873.795	824.524	6%
Nợ dài hạn	177.946	117.409	52%
Vốn chủ sở hữu	577.878	583.092	-1%

Tài sản và nguồn vốn của công ty tăng trong năm trên báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu do hợp nhất Công ty Hạ tầng Viễn Thông (CMCTI) vào báo cáo sau khi CMC tăng đầu tư và tỷ lệ sở hữu từ mức 49% lên 73,2%. Toàn bộ tài sản và nguồn vốn của Công ty này được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của CMC. Tổng giá trị tài sản CMCTI tại thời hợp nhất là 290 tỷ, trong đó có 212 tỷ là tài sản cố định (hạ tầng và thiết bị viễn thông).

**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

CÁC CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2011
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,12	1,28
Hệ số thanh toán nhanh	0,85	0,89
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,63	0,62
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,82	1,62
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho:	7,82	7,01
Vòng quay công nợ phải thu:	4,67	3,76
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,58	1,60
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Tỷ lệ Lãi gộp %	13,44%	9,44%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần %	0,54%	-3,65%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần %	0,38%	-3,74%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu %	1,65%	-17,85%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản %	0,57%	-6,80%

**Chi tiêu thanh khoản:** Công ty duy trì các chi số thanh khoản và tỷ lệ nợ hợp lý đảm bảo khả năng thanh toán nợ đến hạn.

**Chi tiêu cơ cấu nợ:** chi tiêu cơ cấu nợ của công ty không thay đổi đáng kể so với năm trước và sau khi hợp nhất công ty hạ tầng viễn thông CMC

**Chi tiêu năng lực hoạt động:** công ty đã cải thiện đáng kể vòng quay hàng tồn kho và công nợ giúp tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động, giảm chi phí tài chính cho hoạt động kinh doanh.

**Chi tiêu khả năng sinh lời:** Lãi gộp của công ty có cải thiện đáng kể do tỷ lệ lãi gộp tăng ở lĩnh vực phân phối lắp ráp và lãi gộp từ lĩnh vực dịch vụ viễn thông (sau khi được hợp nhất). Chi phí tài chính và chi phí hoạt động được kiểm soát giảm so với năm trước làm tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và sau thuế tăng.

## KẾ HOẠCH KINH DOANH 2013

### Dự báo tình hình thị trường 2013

#### Kinh tế vĩ mô:

Kinh tế vĩ mô 2013 được dự báo vẫn còn tiếp tục khó khăn, tuy nhiên các yếu tố vĩ mô đã dần ổn định hơn. Tốc độ tăng trưởng GDP dự kiến duy trì bằng năm 2012 khoảng 5,02%. Lãi suất cho vay sẽ có xu hướng giảm xuống mức 11-12%, tỷ giá sẽ tiếp tục ổn định và dự báo biến động ở mức từ 2-3%. Cán cân thương mại (xuất nhập khẩu) dự kiến cân bằng. Tín dụng dự kiến sẽ tăng trưởng 8%, tuy nhiên nợ xấu cao đang làm cho việc thúc đẩy tín dụng cho nền kinh tế gặp nhiều khó khăn. Các doanh nghiệp dự báo sẽ tiếp tục khó khăn về khai thác thị trường đầu ra và tiếp cận vốn, năng lực tài chính nhiều doanh nghiệp đã giảm mạnh trong 02 năm qua.

#### Thị trường CNTT-VT:

Theo dự báo của IDC, Quy mô thị trường IT Việt Nam 2013 dự kiến là 4.913 triệu đô la Mỹ, tốc độ tăng trưởng khoảng 15%. Nhu cầu phần cứng vẫn chiếm tỷ trọng lớn 85%, dịch vụ IT và phần mềm chiếm tỷ trọng là 10% và 5%.

Máy tính xách tay tăng về số lượng khoảng 4% nhưng không có tăng trưởng về giá trị (do xu hướng giảm giá). Máy tính để bàn đang tiếp tục xu hướng giảm. Xu hướng máy tính bảng đang gia tăng. Cảnh tranh từ các hãng máy tính vẫn khá gay gắt.

Theo McKinsey, ứng dụng công nghệ thông tin vẫn tập trung cao vào các ngành: tài chính ngân hàng, khu vực quản lý công, viễn thông, bảo hiểm, sản xuất, y tế.

Thị trường internet tiếp tục tăng trưởng ở mức khoảng 15%. Xu hướng quang hóa kết nối, internet mobile, cloud, hội tụ và outsourcing đang ngày một gia tăng.

### Chiến lược kinh doanh 2013

Được đánh giá là năm mà nền kinh tế vẫn tiếp tục còn nhiều khó khăn, CMC tiếp tục chiến lược kinh doanh theo hướng thận trọng, tập trung vào hiệu quả kinh doanh hơn là tăng trưởng về quy mô. Tiếp tục cơ cấu lại những lĩnh vực có hiệu quả kinh doanh thấp, kém hấp dẫn. Tập trung vào việc xây dựng và nâng cao năng lực cạnh tranh cốt lõi từng lĩnh vực, và hoàn thiện năng lực quản trị để nâng cao hiệu quả hoạt động và hạn chế rủi ro.

#### Lĩnh vực tích hợp

- Ưu tiên cung cấp, giữ vững thị trường/KH truyền thống: như tài chính công; ngân hàng; giáo dục chính phủ; thị trường ENT & SMB...

- Hoàn thiện quy trình triển khai hợp đồng dịch vụ, hoàn thiện các gói giải pháp/dịch vụ hiện có; xây dựng gói giải pháp/dịch vụ bảo mật hoàn chỉnh cho hệ thống thông tin hạ tầng;; tiếp tục thúc đẩy Marketing/tư vấn giải pháp/dịch vụ tới các khách hàng truyền thống.

#### Lĩnh vực phân phối & lắp ráp

CMC P&T lựa chọn chiến lược tối ưu chi phí để tăng lợi nhuận trước thuế bằng việc tiếp tục tái cấu trúc thu hẹp quy mô;

- Duy trì quan hệ đối tác (Nhà cung cấp) hiện tại & tìm kiếm dài sản phẩm có margin tốt, tìm kiếm đối tác mới có sản phẩm margin cao (máy tính bảng). Tập trung vào top 30 đại lý lớn có doanh số cao, xây dựng các chính sách đại lý hiệu quả nhằm thúc đẩy bán hàng vào các đại lý này.
- Kiểm soát chính sách công nợ với mục tiêu dư nợ bình quân là 45 ngày, xây dựng chính sách xử lý tồn kho và kiểm soát số ngày tồn kho bình quân ở mức 45 ngày, vòng quay vốn là 60 ngày (sau khi trừ đi tín dụng nhà cung cấp)
- Tổ chức lại bộ máy tiếp tục tái cấu trúc để tinh giản quy mô công ty và nhân sự giảm chi phí hoạt động.

#### Lĩnh vực phần mềm:

- Lựa chọn và tập trung đầu tư phát triển 3 sản phẩm/dịch vụ chủ lực đem lại 80% lợi nhuận mục tiêu công ty bao gồm Giải pháp ngân hàng bảo hiểm, Phát triển dịch vụ gia công phần mềm, và phát triển sản phẩm ứng dụng online.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng các quy trình sản xuất và kinh doanh chuyên nghiệp.

#### Lĩnh vực viễn thông

Với tầm nhìn trở thành công ty viễn thông hàng đầu Việt Nam trong việc cung cấp các dịch vụ viễn thông chất lượng cao phục vụ các Doanh nghiệp và Hộ gia đình, năm 2013 CMCTelecom có các chiến lược cụ thể sau:

- Duy trì chất lượng dịch vụ và chăm sóc khách hàng, thúc đẩy đầu tư và dịch vụ ICT ứng dụng trên nền dịch vụ viễn thông.
- Thúc đẩy đầu tư và mở rộng mạng internet trên truyền hình cáp, phát triển quan hệ với các đối tác truyền hình mở rộng phạm vi bao phủ cho khách hàng hộ gia đình
- Triển khai thu xếp nguồn vốn phục vụ cho nhu cầu đầu tư gồm huy động từ các cổ đông mới và tín dụng trung hạn từ ngân hàng (dự kiến tổng mức đầu tư trong 02 năm tới khoảng hơn 300 tỷ đồng - chưa tính dự án đường sắt Bắc Nam)

#### Chỉ tiêu kinh doanh 2013

**3.000** tỷ đồng  
Mục tiêu doanh thu dự kiến 2013

**65** tỷ đồng  
Lợi nhuận trước thuế  
(sau hợp nhất) dự kiến 2013

Căn cứ dự báo tình hình kinh tế vĩ mô năm 2013, dự báo tình hình thị trường công nghệ thông tin & viễn thông, nhu cầu đầu tư & mua sắm của khách hàng mục tiêu/truyền thống của CMC, phân tích năng lực cạnh tranh và chiến lược kinh doanh, Ban điều hành Tập đoàn và các đơn vị thành viên xây dựng mục tiêu cho năm 2013 với tổng doanh thu dự kiến đạt hơn 3.000 tỷ đồng, tăng trưởng 10% so với năm trước và lợi nhuận trước thuế (sau hợp nhất) đạt 65 tỷ đồng, tăng hơn 4 lần so năm trước.

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Tăng trưởng
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>3.139.118</b>	<b>2.859.991</b>	<b>9,8%</b>
Trong đó: Doanh thu thuần hợp nhất (sau loại trừ hợp nhất các đơn vị liên kết và nội bộ)	3.017.082	2.531.407	19%
<b>Giá vốn</b>	<b>2.569.474</b>	<b>2.462.457</b>	<b>4,0%</b>
<b>Lãi gộp</b>	<b>569.645</b>	<b>388.574</b>	<b>46,6%</b>
<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>420.986</b>	<b>311.397</b>	<b>35,2%</b>
<b>Chi phí/(doanh thu) tài chính (net)</b>	<b>68.670</b>	<b>65.234</b>	<b>5,3%</b>
<b>Thu/(chi phí khác) (net)</b>	<b>170</b>	<b>(249)</b>	<b>168,1%</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>80.159</b>	<b>20.653</b>	<b>288,1%</b>
<b>Loại trừ hợp nhất</b>	<b>15.435</b>	<b>6.641</b>	<b>132,4%</b>
<b>Lợi nhuận sau hợp nhất</b>	<b>64.724</b>	<b>14.012</b>	<b>361,9%</b>
<b>Chi tiêu tài chính</b>			
Tỷ lệ lãi gộp	18,1%	13,6%	4,6%
Lợi nhuận trước thuế/doanh thu	2,6%	0,7%	1,8%
Chi phí hoạt động/doanh thu	13,4%	10,9%	2,5%
Chi phí tài chính/doanh thu	2,2%	2,3%	-0,1%

Doanh thu, giá vốn, chi phí bao trong chỉ tiêu kế hoạch bao gồm chỉ tiêu kế hoạch của các đơn vị liên doanh, liên kết

Chi tiết chỉ tiêu doanh thu & lợi nhuận từng đơn vị thành viên và từng lĩnh vực như sau:

Lĩnh vực	2013 - Kế Hoạch		2012 - Thực hiện		Tăng trưởng	
	Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận
Dịch vụ Tích hợp	1,075.000	26,801	916,939	18,557	17%	44%
Phân phối và Lắp ráp	1,180,143	6,243	1,306,366	(16,735)	-10%	137%
Dịch vụ Phần mềm	151,573	14,557	95,311	830	59%	1654%
Dịch vụ Viễn thông	652,665	31,269	459,597	13,994	42%	123%
khác	79,738	1,290	81,778	4,006	-2%	-68%
<b>Tổng</b>	<b>3,139,118</b>	<b>80,159</b>	<b>2,859,991</b>	<b>20,653</b>	<b>10%</b>	<b>288%</b>
Loại trừ hợp nhất	122,037	15,435	328,584	6,641	-63%	132%
<b>Báo cáo hợp nhất</b>	<b>3,017,082</b>	<b>64,724</b>	<b>2,531,407</b>	<b>14,012</b>	<b>19%</b>	<b>361%</b>

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2013



NGUYỄN TRUNG CHÍNH

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 06/06/2013.

### Cổ phần

- Tổng số cổ phần đã phát hành: 67,341,953 cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 67,341,953 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Số cổ phần đang lưu hành: 66,242,694 cổ phần
- Số cổ phiếu quỹ: 1.099.259 cổ phần

### Cơ cấu cổ đông

STT	Phân loại theo tiêu chí cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
<b>1 Phân loại CD theo vị trí địa lý</b>			
	Cổ đông trong nước	66.529.196	98,80%
	Cổ đông nước ngoài	812.757	1,20%
<b>2 Phân loại CD theo tỷ lệ sở hữu</b>			
	Cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên	44.011.196	65,36%
	Cổ đông sở hữu dưới 5% cổ phần	23.330.757	34,64%
<b>3 Phân loại CD theo loại hình sở hữu</b>			
	Cổ đông là tổ chức	45.801.903	68,01%
	Cổ đông là cá nhân	21.540.050	31,99%
<b>4 Phân loại CD theo đại diện sở hữu</b>			
	Cổ đông nhà nước	0	0%
	Cổ đông khác	67.341.953	100%

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2012 Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC không có sự thay đổi về vốn cổ phần.

### Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số cổ phiếu quỹ hiện tại: 1.099.259 cổ phần

Tháng 3 năm 2013 Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC đã thực hiện mua lại cổ phiếu CMG làm cổ phiếu quỹ:

- Số lượng đã thực hiện: 1.000.000 cổ phiếu;
- Thời điểm thực hiện: từ 11/03/2013 đến 08/04/2013
- Giá giao dịch trung bình: 5.850 đồng/cổ phiếu
- Đối tượng giao dịch: các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

### Chứng khoán khác

Cho đến ngày 06/6/2013, CMC không phát hành các chứng khoán khác.

## TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### BAN ĐIỀU HÀNH

#### Danh sách ban điều hành

Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu của các thành viên Ban điều hành như sau:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Trung Chính	Tổng Giám đốc	1,00%
2	Nguyễn Phước Hải	Phó Tổng giám đốc	3,09%
3	Hoàng Ngọc Hùng	Phó Tổng giám đốc	0,16%
4	Lê Thành Sơn	Giám đốc Tài chính	0,07%

#### Lý lịch các thành viên Ban điều hành



**ÔNG NGUYỄN TRUNG CHÍNH**  
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Tổng Giám đốc



**ÔNG NGUYỄN PHƯỚC HẢI**  
Thành viên HĐQT  
Phó Tổng Giám đốc



**ÔNG HOÀNG NGỌC HÙNG**  
Thành viên Hội đồng quản trị  
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trung Chính là một trong hai sáng lập viên của Tập đoàn Công nghệ CMC, cùng đồng hành với ông Hà Thế Minh trong suốt hơn 20 năm qua. Ông Nguyễn Trung Chính là một vị Tổng Giám đốc đầy nhiệt huyết và rất quyết liệt trong điều hành và quản trị Công ty, có khả năng nắm bắt và nhận định thị trường rất nhạy bén và luôn đưa ra các chỉ đạo sáng suốt, do đó Ông là một trong những trụ cột quan trọng nhất trong việc đưa CMC phát triển từ một công ty tin học với 20 thành viên ban đầu trở thành Tập đoàn CNTT hàng đầu Việt Nam như ngày nay. Ông Nguyễn Trung Chính được nhận bằng khen Doanh nhân Sao đỏ năm 2000, Huân chương Lao động hạng 3 năm 2005, doanh nhân Việt Nam tiêu biểu năm 2008... và rất nhiều bằng khen, giải thưởng của nhiều tổ chức, nhà nước vì những cống hiến cho ngành CNTT-VT nói riêng và cho xã hội nói chung.

Ông Nguyễn Trung Chính tốt nghiệp Trường Đại học Bách Khoa Kỹ thuật điện tử năm 1987.

Ông Nguyễn Phước Hải gia nhập CMC vào năm 1996; năm 1999 CMC thành lập Công ty Máy tính CMS và ông Hải được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty. Kể từ đó đến nay, ông Nguyễn Phước Hải đã đưa CMS trở thành Thương hiệu Máy tính Việt Nam uy tín và tầm vóc số 1 trên thị trường. Năm 2007, khi CMC chuyển đổi thành công ty cổ phần, ông Hải là 1 trong 13 cổ đông sáng lập và là thành viên Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghệ CMC. Năm 2009, ông Hải được bổ nhiệm làm Phó tổng Giám đốc của Tập đoàn Công nghệ CMC với nhiệm vụ phụ trách hoạt động sản xuất, kinh doanh và đối ngoại của Tập đoàn Công nghệ CMC trong lĩnh vực sản xuất máy tính.

Ông Nguyễn Phước Hải tốt nghiệp hạng xuất sắc trường Bách Khoa Vinhita (Liên Xô cũ) chuyên ngành Vô tuyến điện năm 1991.

Ông Hoàng Ngọc Hùng đã công tác tại các cơ quan Nghiên cứu hàng đầu của Việt Nam như Viện Nghiên cứu CN Quốc gia, Viện Tin học Viện KHCN Việt Nam và đã có kinh nghiệm là lãnh đạo cao cấp của một số tổ chức như: Tập đoàn Thiên Nam, Công ty máy tính Việt Khánh trước khi gia nhập CMC năm 2007 trong vai trò thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty Giải pháp Phần mềm CMC. Năm 2009, ông Hoàng Ngọc Hùng được đồng thời bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghệ CMC phụ trách hoạt động sản xuất kinh doanh và quan hệ đối ngoại trong lĩnh vực phần mềm.

Ông Hoàng Ngọc Hùng tốt nghiệp đại học Kỹ thuật Budapest, Hungary, khoa điện tử năm 1985.

## Điều kiện làm việc

Toàn bộ cán bộ nhân viên của tập đoàn được làm việc tại tòa nhà CMC Tower 19 tầng có tiêu chuẩn hạng A về không gian và trang thiết bị làm việc, với nhiều tiện ích văn phòng mang tính ứng dụng công nghệ cao. CMC Tower là nơi làm việc lý tưởng cho toàn bộ CBNV CMC cũng như các doanh nghiệp đòi hỏi môi trường làm việc chuyên nghiệp và chất lượng cao.

## Phong trào, chính sách thi đua, khen thưởng

Tập đoàn CMC là một trong những đơn vị có nhiều các hoạt động sôi nổi, các phong trào thi đua, các chính sách khen thưởng... nhằm tôn vinh những giá trị lao động, ghi nhận sự cống hiến về công sức, trí tuệ của tập thể, các nhân có thành tích vượt bậc. Các danh hiệu khen thưởng hàng năm được ban Thị đua Khen thưởng Tập đoàn đánh giá và trao cho các công ty; bộ phận cá nhân như: Công ty lá cờ đầu; đơn vị xuất sắc của năm; lãnh đạo xuất sắc; chiến sỹ thi đua; lao động tiên tiến, lao động xuất sắc.

## Những cải tiến tổ chức quản lý

- Tăng cường năng lực quản trị thông qua thay đổi, bổ nhiệm nhân sự điều hành mới, xây dựng lại chiến lược cho lĩnh vực sản xuất và thương mại
- Tập trung nâng cao năng lực cung cấp giải pháp dịch vụ chuyên nghiệp, tăng cao tỷ trọng doanh thu dịch vụ chuyên nghiệp trong cơ cấu doanh thu, giám sát thuộc vào các dự án lớn có tính ổn định thấp;
- Kiểm soát tối ưu chi phí hoạt động và chi phí triển khai dự án
- Xây dựng mục tiêu doanh số trên phương án thận trọng, tập trung vào các dự án có tính ổn định và khả thi cao;
- Sáp nhập các đơn vị kinh doanh kém hiệu quả, cắt giảm nhân sự và chi phí: CMC Distribution và CMS.
- Sáp nhập hai đơn vị viễn thông CMC TI và CMC Telecom nhằm tối ưu hóa bộ máy hoạt động, tối ưu hóa hạ tầng và dịch vụ, tăng quy mô và năng lực công ty;
- Thúc đẩy tăng trưởng các dịch vụ băng rộng, trên nền tảng của những kết quả tốt năm 2011 và nhu cầu lớn từ thị trường, đầu tư có trọng điểm trên cơ sở hiệu quả;

**BÁO CÁO  
ĐÁNH GIÁ CỦA  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TOÀN TẬP ĐOÀN NĂM TÀI CHÍNH 2012

### Đánh giá chung về kinh tế vĩ mô

Năm 2012 tiếp tục là một năm khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 5,03%, mức thấp nhất trong một thập kỷ qua. Nhà nước cắt giảm đầu tư công, thắt chặt tín dụng kéo theo tỷ lệ vốn đầu tư xã hội/GDP giảm và thấp hơn so với năm 2011. Tỷ trọng vốn đầu tư khu vực nhà nước trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội đã giảm từ 36,4% năm 2011 xuống còn 33,5%.

### Đánh giá về mức độ ảnh hưởng của kinh tế vĩ mô đối với CMC

Điều kiện kinh tế vĩ mô khó khăn đã ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều lĩnh vực kinh doanh trong đó có ngành CNTT và viễn thông. Đây là năm đầu tiên trong nhiều năm ngành CNTT Việt Nam tăng trưởng âm, giảm 10 - 13% so với năm 2011. Khối chính phủ cắt giảm rất lớn ngân sách đầu tư công nghệ thông tin. Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bất động sản đã đóng cửa, thu hẹp sản xuất kinh doanh, những doanh nghiệp còn cầm cự được đều giảm bớt đầu tư, chi tiêu. Thu nhập người lao động giảm dẫn đến sức mua của nền kinh tế giảm sút nhiều. Tốc độ tăng doanh số bán lẻ hàng hóa dịch vụ chững lại, tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng sau khi loại trừ yếu tố tăng giá chỉ xoay quanh 6,2%, thấp bằng mức khủng hoảng 2008 và chưa bằng một nửa tốc độ tăng trong giai đoạn hậu khủng hoảng 2009 - 2010.

### Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012

Năm 2012, kết quả kinh doanh của Tập đoàn Công nghệ CMC có khả quan hơn so với năm 2011, tuy nhiên vẫn không hoàn thành kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (thông tin chi tiết nằm trong Báo cáo của Ban điều hành), trong đó:

- Tổng Doanh thu hợp nhất toàn tập đoàn (không bao gồm doanh thu nội bộ) đạt 2.531 tỷ đồng, đạt 70% kế hoạch

- Lợi nhuận trước thuế: 14 tỷ đồng, đạt 21% kế hoạch.

Khối SI đã có nhiều nỗ lực lớn trong bối cảnh thị trường khó khăn, lợi nhuận bám sát mục tiêu. Khối Software chịu nhiều ảnh hưởng của cắt giảm chi tiêu trong khối chính phủ, tỷ lệ lợi nhuận hoàn thành rất thấp. Khối thương mại tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề do hàng tồn kho lớn, vòng đời sản phẩm/công nghệ ngắn, sức tiêu dùng giảm sút mạnh trong khi lợi nhuận gộp thấp, gây ra lỗ lớn. Khối viễn thông là điểm sáng trong năm với việc CMC Telecom đã vượt qua điểm hòa vốn và lần đầu tiên có lãi sau 4 năm đầu tư.

Mặc dù không đạt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, tuy nhiên Hội đồng quản trị cũng ghi nhận sự nỗ lực của Ban điều hành tập đoàn và các công ty thành viên.

Hội đồng quản trị nhận trách nhiệm đối với việc không hoàn thành nghị quyết của đại hội cổ đông về việc Giám sát hoạt động kinh doanh nhằm đạt Kế hoạch kinh doanh năm 2012.

### Kết quả thực hiện các nội dung khác trong Nghị quyết ĐHĐCD năm 2012:

- Hội đồng quản trị đã phối hợp cùng Ban kiểm soát tiếp tục lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán - AASC làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 cho Tập đoàn CMC.

- Công ty đã tiến hành chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty theo mức đã được ĐHĐCD thông qua vào cuối tháng 4/2013 vừa qua. Tổng số tiền chi trả thù lao là: 456.000.000 đồng.

## CÁC HOẠT ĐỘNG NỔI TRỘI CỦA HĐQT TRONG NĂM 2012

### Hoạt động quản trị:

Hàng quý Hội đồng quản trị công ty tiến hành nhóm họp để nghe báo cáo về kết quả hoạt động quý trước, phân tích đánh giá những mặt được và chưa được, đề ra phương án hành động cho quý tiếp theo nhằm ứng phó với những biến động của nền kinh tế và sự giảm sút của nhu cầu đầu tư và tiêu dùng của xã hội.

### Hoạt động xây dựng chiến lược & năng lực cốt lõi:

- Hoàn thành giai đoạn 1 dự án Xây dựng chiến lược công ty và chiến lược kinh doanh 2013 - 2015 ở các công ty thành viên của Tập đoàn. Trong đó đã tổ chức đánh giá toàn diện hiện trạng và xây dựng các định hướng phát triển, các chương trình xây dựng năng lực cạnh tranh dài hạn.

- Tổ chức đánh giá và phê duyệt chiến lược kinh doanh, các đề án khả thi/đầu tư của các đơn vị trong tập đoàn
- Tổ chức các hoạt động trao đổi với các chuyên gia để nâng cao năng lực quản trị cũng như cập nhật thông tin về thị trường và kinh tế vĩ mô.

**Sáp nhập Công ty CP Dịch vụ Viễn thông CMC (CMC Telecom) vào Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC (CMC TI)**

Tháng 3/2012, Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - SCIC đã tiến hành bán đấu giá cổ phần CMC TI mà SCIC sở hữu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Tháng 5/2012, sau khi các nhà đầu tư trúng đấu giá và cán bộ nhân viên của CMC TI nộp tiền mua cổ phần, SCIC đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phần, thoái toàn bộ phần vốn góp tại CMC TI.

Sau khi SCIC thoái vốn khỏi CMC TI, yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải 1) Thống nhất chiến lược phát triển viễn thông hợp nhất; 2) Tăng cường năng lực cạnh tranh về sản phẩm và dịch vụ trên thị trường và thống nhất thương hiệu dịch vụ; 3) Tối ưu hóa chi phí đầu tư, chi phí hạ tầng kỹ thuật, chi phí quản lý và nhân lực ... CMC và các cổ đông khác của CMC TI và CMC Telecom đã nhất trí sáp nhập CMC Telecom vào CMC TI thông qua việc hoán đổi cổ phiếu giữa hai công ty theo tỷ lệ 1:1. Ngày 19/11/2012 Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở KH&ĐT Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ghi nhận việc sáp nhập CMC Telecom vào CMC TI với tổng vốn điều lệ sau khi sáp nhập là 190 tỷ. Tên viết tắt của công ty nhập sáp nhập cũng được thống nhất đặt là CMC Telecom.

Sau khi hoàn tất việc sáp nhập công ty, hàng loạt các hoạt động quản trị đã được tiến hành như xây dựng lại bộ máy tổ chức, mở rộng địa bàn kinh doanh, thông qua chiến lược hoạt động và kế hoạch kinh doanh trung hạn 2013 - 2015

#### Đầu tư:

- Mua cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ của công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC lên 250 tỷ đồng. Tổng số cổ phần CMC đã mua: 4.510.694 cổ phần tương ứng với 45.106.940.000 đồng theo mệnh giá và tỷ lệ sở hữu của CMC Corp tại CMC Telecom hiện nay là 73,2%
- Phê duyệt việc CMC Telecom hợp tác với Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam - VTVcab thành lập Công ty TNHH Viễn thông VTVcab & CMC nhằm tận dụng thế mạnh của hai bên để cung cấp dịch vụ Internet trên mạng truyền hình cáp (EoC) và các dịch vụ gia tăng khác lâu dài và có tính bền vững hơn.
- Tạm dừng hoạt động công ty CMC Blue France do kết quả kinh doanh không đạt kỳ vọng và thua lỗ, tình hình kinh tế Châu Âu tiếp tục khó khăn và chưa có dấu hiệu hồi phục. Khi thị trường hồi phục sẽ cần nhắc việc tái hoạt động công ty trở lại.
- Chuyển nhượng 1 triệu cổ phần CMC TI cho Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội - Geleximco.
- Mua lại 1 triệu cổ phiếu CMG trên thị trường chứng khoán làm cổ phiếu quỹ. Tùy tình hình mà HĐQT công ty sẽ quyết định việc sử dụng số cổ phiếu quỹ này làm cổ phiếu thường cho CBNV hoặc bán cho CBNV theo chương trình ESOP hoặc bán cho nhà đầu tư chiến lược.

#### Các hoạt động khác:

Ngoài các hoạt động trên, trong năm 2012 Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết, quyết định triển khai các nội dung như:

- Thông qua các Thỏa thuận về hạn mức tín dụng của tập đoàn CMC và các công ty thành viên với các tổ chức tín dụng như: BIDV, Vietinbank, ngân hàng Quân đội, ngân hàng Kỹ thương Việt Nam.
- Cử các nhân sự đại diện phần vốn góp của CMC tham gia vào HĐQT và ban kiểm soát các công ty mà CMC tham gia góp vốn/mua cổ phần.
- Sửa đổi bổ sung cơ cấu tổ chức
- Miễn nhiệm, bổ nhiệm Kế toán trưởng CMC Corp.
- Ban hành bản sửa đổi quy chế công bố thông tin, quy chế xây dựng kế hoạch kinh doanh.

#### Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành:

Trong năm 2012, HĐQT chỉ đạo và theo sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định, thông báo của HĐQT đối với Tổng giám đốc tập đoàn và không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Tập đoàn của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.

## KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2013

Năm 2013, nền kinh tế được dự đoán tiếp tục đi ngang trong thế chờ đợi những điều chỉnh thực sự từ tái cơ cấu kinh tế. GDP có thể tăng 5,04% hoặc 5,35%, lạm phát tương ứng là 4,95% hoặc 6,64%. Bức tranh kinh tế năm 2013 không mấy sáng sủa so với năm 2012. Doanh nghiệp tiếp tục suy yếu, hạn chế đầu tư mở rộng. Các giải pháp chính sách cũng không đủ mạnh và môi trường truyền dẫn nguồn lực kém hiệu quả gây cản trở cho sự phục hồi kinh tế.

Trong bối cảnh trên, CMC sẽ tiếp tục chú trọng đến yếu tố an toàn, cố gắng thực hiện những mục tiêu đã đề ra, hạn chế tối đa những rủi ro với các biện pháp chính sẽ thực hiện là 1) Kiểm soát công tác kế hoạch; 2) Kiểm soát rủi ro; 3) Kiểm soát chi phí để nâng cao hiệu quả lợi nhuận; 4) Phát triển, xây dựng những năng lực cạnh tranh cốt lõi dài hạn; 5) Phát triển và thu hút nhân tài, đặc biệt là các lãnh đạo và quản lý cao cấp làm nền tảng cho sự phát triển mạnh mẽ vào các năm tiếp theo.

Các mục tiêu chính của toàn tập đoàn năm 2013 là 3.017 tỷ đồng doanh thu và 64,7 tỷ đồng lợi nhuận

### Hoạt động chiến lược:

- Tập trung vào việc hoạch định và quản trị chiến lược của các Công ty thành viên, chú trọng vào lĩnh vực cốt lõi của CMC là tích hợp, viễn thông và phần mềm.
- Hoàn thành Chiến lược cấp Tập đoàn 2015 cùng các chương trình chiến lược thành phần như hợp lực, phát triển lãnh đạo, xây dựng văn hóa công ty.

### Hoạt động giám sát:

Hội đồng quản trị công ty sẽ tăng cường công tác giám sát hoạt động kinh doanh và đưa ra những chỉ đạo kịp thời nhất để đảm bảo kế hoạch đã đề ra.

### Ban hành các quy chế, chính sách:

Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi hoặc xây dựng mới và ban hành các quy chế, chính sách của tập đoàn cho công ty tập đoàn và các công ty thành viên trong quản lý chiến lược, quản lý kinh doanh, kiểm soát rủi ro, mua sắm đấu thầu, nhân sự.

## CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN 2013-2015

Hội đồng quản trị đã phê duyệt các định hướng chiến lược chính, các mục tiêu và các chương trình chiến lược của các công ty thành viên trong 4 mảng chính là tích hợp, phần mềm, viễn thông và thương mại. Đến năm 2015, doanh số mục tiêu của toàn tập đoàn là 5000 tỷ đồng và lợi nhuận mục tiêu là 300 tỷ đồng. Tỷ trọng lợi nhuận từ dịch vụ sẽ chiếm trên 80% lợi nhuận toàn tập đoàn.

Lĩnh vực SI: Đã và sẽ giữ vững vị trí công ty SI số 2 tại Việt nam với chất lượng dịch vụ tốt nhất trong lĩnh vực Tài chính/Ngân hàng, Tài chính công, Doanh nghiệp lớn, Chính phủ, Giáo dục... Tập trung vào các giải pháp hạ tầng, các giải pháp tổng thể bao gồm cả ứng dụng, cùng các dịch vụ chuyên nghiệp.

Lĩnh vực Telecom: Năm 2015, đứng vị trí số 4 trong thị trường viễn thông cơ bản (ILL, TSL, FTTx), nhằm tối phục vụ khách hàng trong khu vực Tài chính/ Doanh nghiệp lớn/Chính phủ với lợi thế cạnh tranh từ chính sách giá linh hoạt, chăm sóc khách hàng chu đáo. Năm 2015, đứng vị trí thứ 4 trong thị trường dịch vụ viễn thông băng rộng cho hộ gia đình với lợi thế cạnh tranh dựa vào triển khai nhanh, giá hấp dẫn do tận dụng lợi thế công nghệ và hạ tầng của đối tác truyền hình cáp. Tiên phong trong lĩnh vực dịch vụ telecom tổng thể cho khách hàng.

Lĩnh vực phần mềm: Năm 2015 giữ vị trí số 3 công ty phần mềm cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội địa tập trung trong các mảng tài chính, ngân hàng, tài chính công, doanh nghiệp lớn, chính phủ và giáo dục. Tiên phong trong lĩnh vực phần mềm như dịch vụ. Có mặt trong các công ty hàng đầu làm dịch vụ gia công phần mềm.

Lĩnh vực thương mại: cung cấp năng lực công ty, thúc đẩy tính hiệu quả và duy trì vị trí top 4. Nâng cao toàn diện năng lực quản trị của toàn bộ hệ thống các công ty trong tập đoàn, thúc đẩy hợp lực hiệu quả.

Trân trọng cảm ơn!



Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2013

TM: Hội đồng quản trị

Chủ tịch

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ  
CMC

HÀ THẾ MINH



# QUẢN TRỊ CÔNG TY



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ tên người sở hữu chứng khoán	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu/đại diện pháp nhân sở hữu	Phân loại thành viên	Số lượng chức danh thành viên HĐQT đang đảm nhiệm tại cty khác
1	Hà Thế Minh	Chủ tịch HĐQT	22,03	Thành viên điều hành	3
2	Nguyễn Trung Chính	Phó Chủ tịch HĐQT	22,03	Thành viên điều hành	2
3	Vũ Văn Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT	13,22	Thành viên không điều hành	5
4	Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT	3,09	Thành viên điều hành	0
5	Tạ Hoàng Linh	Thành viên HĐQT	0,38	Thành viên không điều hành	0
6	Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	0,30	Thành viên không điều hành	0
7	Hoàng Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT	0,16	Thành viên điều hành	0
8	Trương Ngọc Lan	Thành viên HĐQT	5,04	Thành viên không điều hành	0

### HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2012, Hội đồng Quản trị họp 04 phiên thường kỳ và nhiều phiên bất thường. Một số nội dung đã được thảo luận và quyết định thông qua như sau:

#### Triển khai Nghị quyết ĐHĐCD thường niên 2012

- HĐQT đã phối hợp cùng Ban Kiểm soát tiếp tục lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán - AASC làm đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2012 cho Tập đoàn CMC.
- Chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát công ty với tổng mức thù lao là 456.000.000 đồng cho 12 tháng của năm tài chính 2012.

#### Các hoạt động quản trị khác

- Phê duyệt báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động hàng quý và đề ra kế hoạch hoạt động của quý tiếp theo;
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên trong tháng 7/2012;
- Phê duyệt việc xin cấp hạn mức tín dụng, bảo lãnh và mở L/C tại các ngân hàng VietinBank, MBank, BIDV, Techcombank;
- Phê duyệt quyết định sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Công ty Tập đoàn;
- Phê duyệt việc ban hành bản sửa đổi Quy chế Công bố thông tin, Quy chế xây dựng kế hoạch kinh doanh;
- Chuyển nhượng 1.000.000 cổ phiếu CMC Telecom cho Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội;
- Mua cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ CMC Telecom;
- Thực hiện mua cổ phiếu CMG làm cổ phiếu quỹ;
- Phê duyệt việc hợp tác với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình cáp Việt Nam (VTVcab);
- Phê duyệt việc CMC Telecom và VTVcab thành lập Công ty TNHH Viễn thông VTVcab & CMC;
- Bổ nhiệm và miễn nhiệm các nhân sự cấp cao thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

## Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Tham gia các kỳ họp của Hội đồng quản trị và theo dõi giám sát công tác quản lý của Ban Điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành luôn thực hiện nhiệm vụ được phân công với tính trách nhiệm cao, đóng góp những ý kiến quý báu để Hội đồng Quản trị ban hành những chủ trương phù hợp với từng giai đoạn và tình hình cụ thể, đồng thời phối hợp thực thi một cách hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HDQT.

## Hoạt động của các tiểu ban trong HDQT

Với vai trò là công ty mẹ đầu tư vốn và quản lý hoạt động của các đơn vị thành viên, các ban chức năng của Tập đoàn như Ban Tài chính - Kế hoạch, Ban Chiến lược - Đầu tư, Ban Nhân sự, Ban Truyền thông và Thương hiệu, Ban Pháp chế chịu trách nhiệm triển khai các công việc chuyên môn, quản lý và giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên, cung cấp thông tin và báo cáo lên Hội đồng quản trị theo yêu cầu. Văn phòng Hội đồng Quản trị giúp việc cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty trong việc tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường, lấy ý kiến các thành viên HDQT bằng văn bản khi cần thiết, soạn thảo và ban hành các văn bản, tài liệu của HDQT tuân thủ các quy chế hoạt động nội bộ, Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp và các quy định khác. VP HDQT cũng là đầu mối phụ trách công tác quan hệ cổ đông và quản lý cổ phần cổ phiếu của công ty. Hàng năm VP HDQT chịu trách nhiệm chính và phối hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên (hoặc bất thường nếu có) của công ty. VP Hội đồng quản trị cũng là kênh liên lạc giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát với các ban chức năng của công ty.

## Thành viên HDQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không

## BAN KIỂM SOÁT

### Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ tên người sở hữu chứng khoán	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu/dại diện pháp nhân sở hữu
1	Nguyễn Đức Khương	Trưởng BKS	0,20%
2	Đào Mạnh Kháng	Thành viên BKS	0%
3	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên BKS	0,34%

### Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ giám sát các hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong việc điều hành và quản lý công ty như:
- Trực tiếp tham gia và cho ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành về chiến lược và kế hoạch SXKD năm 2012 và giai đoạn 2011-2015, định hướng hoạt động của các công ty thành viên, ban hành các quy chế quản lý nội bộ và các vấn đề khác;
- Kết hợp với Bộ phận Kiểm toán nội bộ xem xét, đánh giá các quy trình trọng yếu của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và các công ty thành viên, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót để từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo;
- Xem xét sổ sách kế toán, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính theo các giai đoạn, giai đoạn I từ 01/04/2012 đến 30/09/2012, giai đoạn II từ 01/10/2012 đến 31/03/2013.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Mức thù lao/người/tháng (VNĐ)	Tổng thù lao/người/năm (VNĐ)
1	Hà Thế Minh	Chủ tịch HĐQT	5,000,000	60,000,000
2	Nguyễn Trung Chính	Phó Chủ tịch HĐQT	4,000,000	48,000,000
3	Vũ Văn Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT	4,000,000	48,000,000
4	Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT	3,000,000	36,000,000
5	Hoàng Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT	3,000,000	36,000,000
6	Tạ Hoàng Linh	Thành viên HĐQT	3,000,000	36,000,000
7	Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	3,000,000	36,000,000
8	Trương Ngọc Lan	Thành viên HĐQT	3,000,000	36,000,000
9	Nguyễn Đức Khương	Trưởng BKS	4,000,000	48,000,000
10	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên BKS	3,000,000	36,000,000
11	Đào Mạnh Kháng	Thành viên BKS	3,000,000	36,000,000
<b>Tổng cộng</b>				<b>456,000,000</b>

\* Thù lao trên không bao gồm thuế thu nhập cá nhân.

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Tính đến ngày 06/06/2013 các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên không có các giao dịch (mua hoặc bán) cổ phiếu CMG.

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Tháng 12 năm 2012, CMC đã thực hiện chuyển nhượng 1.000.000 (một triệu) cổ phiếu Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC cho Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội - công ty mà ông Vũ Văn Tiến - Phó Chủ tịch HĐQT CMC đang giữ chức vụ Tổng giám đốc.

### Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2012, CMC đã nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật cũng như quy chế nội bộ về quản trị công ty. Công ty đã tiến hành lập và công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2012 và Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2012 đầy đủ và kịp thời.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

*Báo cáo tài chính công ty Mẹ  
cho năm tài chính từ 01/04/2012 đến 31/03/2013  
đã được kiểm toán.*

## NỘI DUNG

- Báo cáo của Ban Giám đốc
- Báo cáo Kiểm toán
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính từ 01/04/2012 đến 31/03/2013.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC được chuyển đổi từ Công ty TNHH Máy Tính Truyền thông và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015824 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/02/2007 và thay đổi lần 05 vào ngày 09 tháng 11 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tòa nhà CMC Tower - Lô C1A - Cụm Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ - Phường Dịch Vọng Hậu - Quận Cầu Giấy - Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Thế Minh	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Trung Chính	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Văn Tiền	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trương Ngọc Lan	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Phước Hải	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Minh Đức	Ủy viên HĐQT
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Ủy viên HĐQT
Ông Tạ Hoàng Linh	Ủy viên HĐQT

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trung Chính	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phước Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Sơn	Giám đốc Tài chính

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Ông Nguyễn Đức Khương	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên Ban kiểm soát
Ông Đào Mạnh Kháng	Ủy viên Ban kiểm soát

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay đổi tên là Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kê toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Số: 865/2013/BC.KTTC-AASC.KT1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/04/2012 đến 31/03/2013  
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC được lập ngày 10 tháng 06 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/04/2012 đến 31/03/2013 được trình bày từ trang 5 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bảng chứng minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC tại ngày 31 tháng 03 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2013



Kiểm toán viên

Phạm Anh Tuấn  
Chứng chỉ KTV số: 0777/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2013	01/04/2012
		VND	VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>243.887.366.203</b>	<b>275.916.334.738</b>
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.851.920.399	17.373.949.519
111 1. Tiền		6.851.920.399	3.373.949.519
112 2. Các khoản tương đương tiền		-	14.000.000.000
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	11.560.138.311	21.083.568.126
121 1. Đầu tư ngắn hạn		11.560.138.311	21.083.568.126
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		222.481.914.534	232.607.749.527
131 1. Phải thu khách hàng		53.891.782.155	143.340.992.774
132 2. Trả trước cho người bán		8.386.772.780	7.931.738.650
133 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	5	146.404.600.721	79.061.255.927
135 5. Các khoản phải thu khác	6	13.798.758.878	2.273.762.176
140 IV. Hàng tồn kho	7	149.693.352	230.227.286
141 1. Hàng tồn kho		2.910.579.334	230.227.286
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2.760.885.982)	-
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		2.843.699.607	4.620.840.280
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	213.695.904	763.819.725
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		30.881.304	449.224.106
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	310.338.608	1.503.952.703
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	10	2.288.783.791	1.903.843.746
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>742.779.524.819</b>	<b>704.139.642.537</b>
220 II. Tài sản cố định		346.977.596.122	360.295.970.199
221 1. Tài sản cố định hữu hình	11	307.928.051.952	322.796.427.097
222 - Nguyên giá		341.887.809.174	344.770.749.035
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(33.959.757.222)	(21.974.321.938)
227 3. Tài sản cố định vô hình	12	15.888.892	43.888.888
228 - Nguyên giá		104.994.688	104.994.688
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(89.105.796)	(61.105.800)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	39.033.655.278	37.455.654.214
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14	390.507.460.526	341.182.386.400
251 1. Đầu tư vào công ty con		425.908.926.000	376.306.986.000
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		12.248.356.000	12.248.356.000
258 3. Đầu tư dài hạn khác		2.627.044.400	2.627.044.400
259 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(50.276.865.874)	(50.000.000.000)
260 V. Tài sản dài hạn khác		5.294.468.171	2.661.285.938
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	15	2.119.503.585	2.661.285.938
262 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	32.2	3.174.964.586	-
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>986.666.891.022</b>	<b>980.055.977.275</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		288.097.826.737	288.864.500.864
310 I. Nợ ngắn hạn		182.180.157.436	182.434.286.063
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	16	66.626.179.727	63.208.244.676
312 2. Phải trả người bán		9.110.254.225	10.892.922.983
313 3. Người mua trả tiền trước		7.560.724.211	11.623.372.638
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	429.384.952	71.179.599
315 5. Phải trả người lao động		374.026.944	511.672.263
316 6. Chi phí phải trả	18	2.467.494.083	104.700.074
317 7. Phải trả nội bộ	20	87.576.284.257	88.840.553.888
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	6.731.977.043	5.610.767.905
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.303.831.994	1.570.872.037
330 II. Nợ dài hạn		105.917.669.301	106.430.214.801
333 3. Phải trả dài hạn khác	21	15.037.639.635	13.880.381.622
334 4. Vay và nợ dài hạn	22	83.008.419.603	85.647.197.504
335 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	2.202.802.112	-
336 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	21.274.000
338 8. Doanh thu chưa thực hiện		5.668.807.951	6.881.361.675
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		698.569.064.285	691.191.476.411
410 I. Vốn chủ sở hữu	23	698.569.064.285	691.191.476.411
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		673.419.530.000	673.419.530.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		14.895.512.634	14.895.512.634
414 4. Cổ phiếu quỹ (*)		(5.315.275.634)	(1.002.990.634)
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.569.297.285	3.879.424.411
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		986.666.891.022	980.055.977.275

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2013	01/04/2012
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		2.684,84	1.193,06
- EUR		6,71	49,56

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc tài chính

Lê Thanh Sơn

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2013



## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2012 đến 31/03/2013

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013	Từ 01/04/2011 đến 31/03/2012
		VND	VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	389.840.529.168	644.176.764.382
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	485.145.192	101.519.028
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	389.355.383.976	644.075.245.354
11 4. Giá vốn hàng bán	27	349.836.043.129	596.741.309.361
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.519.340.847	47.333.935.993
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	11.853.652.062	78.616.647.476
22 7. Chi phí tài chính	29	24.220.318.078	86.218.416.556
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		23.847.044.676	32.064.778.957
24 8. Chi phí bán hàng	30	1.491.241.969	1.625.598.654
25 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	15.057.043.615	18.340.944.959
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.604.389.247	19.765.623.300
31 11. Thu nhập khác		505.940.546	430.329.169
32 12. Chi phí khác		325.488.893	294.367.892
40 13. Lợi nhuận khác		180.451.653	135.961.277
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.784.840.900	19.901.584.577
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	-	-
52 16. Chi phí thuế TNDN hoàn lại	32.2	(972.162.474)	-
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		11.757.003.374	19.901.584.577
70 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	175	304

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc tài chính

Lê Thanh Sơn



Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2013

Tổng Giám đốc

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN  
CÔNG NGHỆ  
**CMC**

CẤU GIẤY - HÀ NỘI

Nguyễn Trung Chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính từ ngày 01/04/2012 đến 31/03/2013 đã được kiểm toán

### NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Giám đốc

Báo cáo Kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính từ ngày 01/04/2012 đến 31/03/2013.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC được chuyển đổi từ Công ty TNHH Máy Tính Truyền thông và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015824 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần 05 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100244112 vào ngày 09 tháng 11 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Tòa nhà CMC Tower - Phố Duy Tân - Quận Cầu Giấy - Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Thế Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trung Chính	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Văn Tiễn	Phó Chủ tịch
Ông Trương Ngọc Lân	Ủy viên
Ông Nguyễn Phước Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Đức	Ủy viên
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Ủy viên
Ông Tạ Hoàng Linh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trung Chính	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phước Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Sơn	Giám đốc tài chính

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Ông Nguyễn Đức Khương	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên
Ông Đào Mạnh Kháng	Ủy viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay đổi tên là Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Số: ...../2013/BC.KTTC-AASC.KT1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ 01/04/2012 đến 31/03/2013  
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC được lập ngày 20 tháng 06 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ 01/04/2012 đến 31/03/2013 được trình bày từ trang 5 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bảng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC tại ngày 31 tháng 03 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**NGUYỄN QUỐC DŨNG**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV  
Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2013

*Tranme*

**PHẠM ANH TUẤN**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 0777/KTV

**BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013**

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2013	01/04/2012
		VND	VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>978.624.898.938</b>	<b>1.053.756.224.246</b>
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	48.152.461.336	62.869.375.345
111 1. Tiền		41.077.244.114	42.369.375.345
112 2. Các khoản tương đương tiền		7.075.217.222	20.500.000.000
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	21.560.138.311	21.083.568.126
121 1. Đầu tư ngắn hạn		21.560.138.311	21.083.568.126
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		538.670.947.016	544.584.247.026
131 1. Phải thu khách hàng		398.997.873.636	480.100.130.854
132 2. Trả trước cho người bán		75.607.350.421	28.660.334.000
133 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	145.842.239
135 5. Các khoản phải thu khác	5	94.190.850.878	56.784.440.298
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(30.125.127.919)	(21.106.500.365)
140 IV. Hàng tồn kho	7	240.493.241.894	319.714.063.629
141 1. Hàng tồn kho		243.441.711.688	326.389.415.366
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.948.469.794)	(6.675.351.737)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		129.748.110.381	105.504.970.120
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	4.770.701.731	6.798.391.224
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		70.018.412.011	56.861.776.271
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	3.511.210.761	1.899.617.403
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	10	51.447.785.878	39.945.185.222
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>693.704.496.253</b>	<b>476.250.797.402</b>
<b>210 I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>160.000.000</b>	-
218 4. Phải thu dài hạn khác		160.000.000	-
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>576.518.043.849</b>	<b>435.900.227.113</b>
221 1. Tài sản cố định hữu hình	11	434.025.585.951	362.148.711.204
222 - <i>Nguyên giá</i>		544.948.643.401	414.977.924.284
223 - <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(110.923.057.450)	(52.829.213.080)
224 2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	163.188.118	-
225 - <i>Nguyên giá</i>		300.120.000	-
226 - <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(136.931.882)	-
227 3. Tài sản cố định vô hình	13	18.187.414.812	10.413.109.257
228 - <i>Nguyên giá</i>		25.371.091.633	13.845.430.674
229 - <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		(7.183.676.821)	(3.432.321.417)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	124.141.854.968	63.338.406.652
<b>250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	15	<b>14.425.026.882</b>	<b>15.251.349.117</b>
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		12.015.475.356	12.564.931.717
258 3. Đầu tư dài hạn khác		2.686.417.400	2.686.417.400
259 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(276.865.874)	-
<b>260 V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>97.404.485.069</b>	<b>22.583.752.372</b>
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	16	91.460.583.067	19.651.191.204
262 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.2	3.174.964.586	312.273.980
268 3. Tài sản dài hạn khác	17	2.768.937.416	2.620.287.188
<b>269 VI. Lợi thế thương mại</b>		<b>5.196.940.453</b>	<b>2.515.468.800</b>
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.672.329.395.191</b>	<b>1.530.007.021.648</b>

## BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		1.051.741.617.152	941.933.012.300
310 I. Nợ ngắn hạn		873.795.382.637	824.523.727.178
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	18	570.003.824.025	460.511.960.775
312 2. Phải trả người bán		180.438.373.743	288.422.153.721
313 3. Người mua trả tiền trước		30.012.965.135	19.458.854.475
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	11.848.716.612	12.148.751.247
315 5. Phải trả người lao động		20.709.545.724	16.029.088.709
316 6. Chi phí phải trả	20	35.758.038.672	9.874.766.651
317 7. Phải trả nội bộ		-	16.500.000
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21	28.602.009.054	21.172.546.836
320 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		924.715.397	471.748.487
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		(4.502.805.725)	(3.582.643.723)
330 II. Nợ dài hạn		177.946.234.515	117.409.285.122
333 3. Phải trả dài hạn khác	22	15.091.609.620	14.368.337.027
334 4. Vay và nợ dài hạn	23	138.379.564.707	90.122.574.023
335 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.2	2.202.802.112	-
336 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	165.217.956
338 8. Doanh thu chưa thực hiện	24	22.272.258.076	12.753.156.116
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		577.160.270.431	583.091.779.558
410 I. Vốn chủ sở hữu	25	577.160.270.431	583.091.779.558
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		673.419.530.000	673.419.530.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		15.307.031.884	15.112.163.423
414 4. Cổ phiếu quỹ		(5.315.275.634)	(1.002.990.634)
416 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		431.436.000	1.532.626.224
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		61.606.766	64.849.227
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		61.710.300	64.958.211
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(106.805.768.885)	(106.099.356.893)
439 C. LỢI ÍCH CỦA CÓ ĐÔNG THIỀU SỐ		43.427.507.608	4.982.229.790
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.672.329.395.191	1.530.007.021.648

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013*

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2013	01/04/2012
1. Ngoại tệ các loại			
- USD		563.173,48	77.243,38
- EUR		897,84	152,83
- JPY		74.137,00	304.577,00

LÊ THANH SƠN  
 Giám đốc tài chính



NGUYỄN TRUNG CHÍNH

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2013

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ 01/04/2012 đến 31/03/2013

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013	Từ 01/04/2011 đến 31/03/2012
		VND	VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	2.659.488.861.347	2.863.706.053.611
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	128.081.612.561	83.638.132.073
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28	2.531.407.248.786	2.780.067.921.538
11 4. Giá vốn hàng bán	29	2.190.077.864.279	2.517.665.796.088
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		341.329.384.507	262.402.125.450
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	30	8.239.579.293	62.368.228.305
22 7. Chi phí tài chính	31	79.185.998.117	171.519.644.004
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		72.247.469.475	114.322.622.814
24 8. Chi phí bán hàng	32	161.564.560.546	149.425.146.164
25 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	97.954.877.268	95.888.569.325
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.863.527.869	(92.063.005.738)
31 11. Thu nhập khác		4.519.331.261	7.244.866.546
32 12. Chi phí khác		4.768.541.810	7.186.219.691
40 13. Lợi nhuận khác		(249.210.549)	58.646.855
45 14. Phản lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		3.398.431.258	(9.558.117.814)
50 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.012.748.578	(101.562.476.697)
51 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	4.888.037.794	2.813.785.047
52 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	34.2	(659.888.494)	(312.273.980)
60 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		9.784.599.278	(104.063.987.764)
61 18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(266.134.766)	(3.041.055.088)
62 18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		10.050.734.044	(101.022.932.676)
70 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	149	(1.544)

LÊ THANH SƠN  
Giám đốc tài chính



Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2013

## BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ 01/04/2012 đến 31/03/2013

Theo phương pháp trực tiếp

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013 VND	Từ 01/04/2011 đến 31/03/2012 VND
<b>I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	3.010.980.248.431	3.393.735.277.218
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(2.693.110.209.636)	(2.702.230.748.627)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(154.633.591.945)	(117.251.568.638)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(74.334.939.161)	(115.868.349.807)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.534.010.264)	(9.730.368.626)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	143.764.617.938	113.991.627.407
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(127.793.760.282)	(226.964.111.747)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>101.338.355.081</i>	<i>335.681.757.180</i>
<b>II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(90.099.725.792)	(38.423.158.292)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	428.586.156	1.457.873.614
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(308.356.065.988)	(89.585.448.126)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	223.611.203.410	69.807.200.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(2.283.220.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.079.662.974	3.406.418.708
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>(171.336.339.240)</i>	<i>(55.620.334.096)</i>
<b>III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	(4.312.285.000)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.721.718.012.134	2.115.246.856.978
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.662.126.608.534)	(2.394.552.437.032)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>55.279.118.600</i>	<i>(279.305.580.054)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(14.718.865.559)	755.843.030
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	62.869.375.345	62.261.127.067
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	1.951.550	(147.594.752)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	48.152.461.336	62.869.375.345

LÊ THANH SƠN  
Giám đốc tài chính

NGUYỄN TRUNG CHÍNH  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2013



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Cho năm tài chính từ 01/04/2012 đến 31/03/2013*

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC - CMC Corp được chuyển đổi từ Công ty TNHH Máy Tính Truyền thông và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015824 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần 05 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100244112 vào ngày 09 tháng 11 năm 2011.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là công nghệ thông tin, viễn thông và kinh doanh điện tử.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100244112 được thay đổi lần 05 ngày 09 tháng 11 năm 2011, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ thuê và cho thuê nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Kinh doanh, đầu tư, môi giới và quản lý bất động sản;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, thiết bị, vật tư phục vụ trong sản xuất, khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ;
- Sản xuất, mua bán trang thiết bị y tế;
- Dịch vụ huấn luyện và đào tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán, bảo hành, bảo dưỡng và cho thuê các sản phẩm dịch vụ, thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử và phát thanh truyền hình, thiết bị bưu chính viễn thông, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp phần mềm và nội dung, xuất bản phần mềm; dịch vụ xử lý dữ liệu và các hoạt động liên quan đến cơ sở dữ liệu, gia công và xuất khẩu phần mềm;
- Tích hợp hệ thống, tư vấn đầu tư, cung cấp các giải pháp tổng thể và dịch vụ hạ tầng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tòa nhà CMC Tower - Phố Duy Tân - Quận Cầu Giấy - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 673.419.530.000 VND (Sáu trăm bảy mươi ba tỷ, bốn trăm mươi chín triệu, năm trăm, ba mươi nghìn đồng).

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tháng 4 và tháng 6 năm 2012, Công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC mua thêm cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (CMC TI), khiến cho Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (CMC TI) đang là công ty liên kết đầu tư gián tiếp trở thành công ty con đầu tư gián tiếp và được hợp nhất vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/04/2012 đến 31/03/2013. Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC tại CMC TI tăng từ 48,98% lên 61,94%.

Ngày 19/11/2012, Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC (Công ty con của CMC Corp) sáp nhập vào Công ty con của mình là Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (Công ty con của CMC Corp đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC).

Sau khi sáp nhập, Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC không còn tồn tại. Toàn bộ Tài sản, Nguồn vốn của Công ty Dịch vụ Viễn thông CMC được chuyển thành sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC.

Theo phương án sáp nhập đã thực hiện thì cơ cấu vốn góp sau khi sáp nhập của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC là toàn bộ vốn góp của Chủ sở hữu tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC và Chủ sở hữu là cổ đông thiểu số của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (Do Cổ đông đa số là Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC không còn tồn tại), cụ thể như sau:

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 19/11/2012	Công ty CP Dịch vụ Viễn thông CMC VND	Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC trước khi sáp nhập VND	Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC sau khi sáp nhập VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	147.896.450.000		147.896.450.000
Cổ đông thiểu số của Công ty Dịch vụ Viễn thông CMC	6.700.370.000		6.700.370.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC		66.036.000.000	-
Cổ đông thiểu số của Công ty Hạ tầng Viễn thông CMC		35.964.000.000	35.964.000.000
	<b>154.596.820.000</b>	<b>102.000.000.000</b>	<b>190.560.820.000</b>
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC trong Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC		<b>61,94%</b>	<b>77,61%</b>

Đến 31/03/2013, Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC tại Thành phố HCM	Số 134, Lê Hồng Phong, Phường 3, Quận 5, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin, viễn thông và kinh doanh điện tử

Công ty có các công ty con tại thời điểm 31/03/2013 bao gồm:

Các công ty con đầu tư trực tiếp	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Máy tính CMS	Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất, lắp ráp, phân phối máy tính
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ phần mềm
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC	Hà Nội	100,00%	100,00%	Cung cấp các giải pháp về CNTT
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Hà Nội	100,00%	100,00%	Phân phối các sản phẩm CNTT
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Hà Nội	73,20%	73,20%	Cung cấp dịch vụ viễn thông
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Hà Nội	60,00%	60,00%	Cung cấp giải pháp an toàn an ninh thông tin
Công ty TNHH CMC Blue France	Pháp	100,00%	100,00%	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO

<u>Các công ty con đầu tư gián tiếp</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công TNHH Tích hợp hệ thống CMC Sài Gòn (Đầu tư gián tiếp qua Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC)	TP Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Cung cấp các giải pháp về CNTT

Công ty liên kết của Công ty tại thời điểm 31/03/2013 bao gồm :

<u>Các công ty liên kết đầu tư trực tiếp</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần NetNam	Hà Nội	41,14%	41,14%	Cung cấp dịch vụ về mạng Internet
Công ty liên doanh Ciber - CMC	Hà Nội	49,90%	49,90%	Sản xuất, cung cấp dịch vụ phần mềm

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Công ty TNHH CMC Blue France tạm dừng hoạt động theo Quyết định số 01/2011/QĐ-CTCT ngày 14/07/2011  
nên không có số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ được hợp nhất; số liệu Bảng  
cân đối kế toán được lấy theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/04/2010 đến 31/03/2011 của Công ty TNHH  
CMC Blue France để hợp nhất vào Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2012 đến 31/03/2013 của Công  
ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC.

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3  
năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của  
Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban  
hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng  
dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3 . Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo  
cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính từ ngày  
01/04/2012 đến ngày 31/03/2013. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài  
chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty vẫn được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các Công ty con, Công ty liên kết được hợp nhất vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/04/2012 đến ngày 31/03/2013 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC gồm:

<u>Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ</u>	<u>Trụ sở</u>	<u>Kỳ kế toán được hợp nhất</u>
Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	Hà Nội	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	Hồ Chí Minh	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013
<u>Các công ty con</u>	<u>Trụ sở</u>	<u>Kỳ kế toán được hợp nhất</u>
Công ty TNHH Máy tính CMS	Hà Nội	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Hà Nội	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	Hà Nội	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC (i)	Hà Nội	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC	Hà Nội	Từ 01/04/2012 đến 30/11/2012
Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC	Hà Nội	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC Sài Gòn (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC)	Hồ Chí Minh	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Hà Nội	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013
Công ty TNHH CMC Blue France	Cộng Hòa Pháp	Từ 01/04/2010 đến 31/03/2011
<u>Các công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Trụ sở</u>	<u>Kỳ kế toán được hợp nhất</u>
Công ty liên doanh Ciber - CMC (ii)	Hà Nội	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013
Công ty Cổ phần Netnam	Hà Nội	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013

(i): Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC (CMC P&T) được đổi tên từ Công ty TNHH Phân phối (CMCD) theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0105514041 thay đổi lần thứ bảy ngày 12/03/2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội.

(ii): Công ty Cổ phần liên doanh Ciber - CMC được đổi tên từ Công ty Cổ phần Liên doanh Segmenta - CMC theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ hai ngày 13/04/2011 do UBND Thành phố Hà Nội cấp.

#### 2.4 . Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

#### 2.5 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Tháng 4 và tháng 6 năm 2012, Công ty Dịch vụ Viễn thông CMC mua thêm cổ phần đầu tư vào Công ty Hạ tầng Viễn thông CMC. Do không xác định được giá trị hợp lý của tổng tài sản, công nợ của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC tại thời điểm mua, do đó khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2012 đến 30/09/2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC đã xác định lợi thế thương mại từ khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC vào Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC dựa trên giá trị ghi sổ của Công ty này tại thời điểm mua.

Tháng 11 năm 2012, Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC sáp nhập vào Công ty con của mình là Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC, do đó khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ ngày 01/04/2012 đến 31/03/2013, Công ty không xác định Lợi thế thương mại cho nghiệp vụ mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC vào Công ty Hạ tầng Viễn thông CMC đã xác định nêu trên.

Sau khi sáp nhập, tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ trong Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC tăng từ 61,94% lên 77,61% (Chi tiết tại Thuyết minh số 1), do đó khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ ngày 01/04/2012 đến 31/03/2013 Công ty mẹ xác định Lợi thế thương mại cho nghiệp vụ này dựa trên giá trị ghi sổ của Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC và Công ty Dịch vụ Viễn thông CMC tại thời điểm 30/11/2012 với giá trị lợi thế thương mại được xác định là 3.328.783.613 VND.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

#### 2.6 . Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

###### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

###### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

###### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.8 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và đánh giá của Ban Giám đốc Công ty về khả năng thu hồi của khoản nợ căn cứ vào các thông tin có liên quan.

### 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Giá trị xuất hàng tồn kho được xác định theo nhóm hàng trên cơ sở phù hợp với quy trình, đặc điểm kinh doanh của từng đơn vị, cụ thể:

- Hàng tồn kho là các loại thiết bị máy tính, thiết bị điện tử tại Công ty TNHH Máy tính CMS dùng để lắp ráp, bán lẻ và một số vật tư, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC được ghi nhận theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Hàng tồn kho là các thiết bị, vật tư lắp đặt phục vụ cung cấp dịch vụ viễn thông tại Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Viễn Thông CMC được ghi nhận theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Hàng tồn kho là các thiết bị, phần cứng máy tính tại Phần mềm tại Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC; Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC, Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC Sài Gòn, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC và tại Văn phòng Công ty để bán theo đơn đặt hàng cho các dự án được ghi nhận theo phương pháp thực tế đích danh.

### 2.10 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	45 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	03 năm

Đối với Tài sản là Tòa nhà Tri thức, Công ty nắm giữ với mục đích lâu dài để nghiên cứu, phát triển và cung cấp hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin và tạm thời sử dụng để cho thuê. Do đó Công ty không tách riêng rẽ giá trị Tài sản do chủ sở hữu sử dụng và giá trị Tài sản cho thuê, vì vậy Toàn bộ giá trị Tòa nhà Tri thức được Công ty theo dõi trên Khoản mục Tài sản cố định hữu hình.

Một số máy móc thiết bị (Hệ thống điều hòa và Hệ thống điện) tại Công ty mẹ được trích khấu hao với thời gian là 20 năm, dẫn đến Chi phí khấu hao trong năm của Công ty thấp hơn chi phí khấu hao được trừ khi tính thuế Thu nhập doanh nghiệp khoảng hơn 8 tỷ VND. Công ty đã ghi nhận Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng với phần chênh lệch tạm thời này.

Trong năm Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC thực hiện điều chỉnh khung khấu hao một số tài sản từ khung khấu hao 4 năm, 7 năm thành khung khấu hao mới là 8 năm. Do đó trong năm 2012, chi phí khấu hao theo khung khấu hao mới so với khung khấu hao cũ giảm số tiền là 2.026.045.216 VND.

Đối với chi phí sản xuất phần mềm (bao gồm phần mềm đã hoàn thành và chưa hoàn thành) tại Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC, trước ngày 01/04/2012 được theo dõi trên khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng năm tương ứng với sản lượng bán, sản lượng dự kiến bán theo kế hoạch. Kể từ năm tài chính 2012 (01/04/2012 - 31/03/2013), Công ty thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với việc theo dõi các chi phí liên quan đến sản xuất phần mềm. Theo đó, các dự án đầu tư sản phẩm phần mềm đã hoàn thành đăng ký sở hữu trí tuệ được ghi tăng giá trị Tài sản cố định vô hình (Bản quyền) tại thời điểm đơn vị lập Quyết định thu hồi vốn đầu tư (không trùng với thời điểm đăng ký sở hữu trí tuệ) cho tài sản đó và trích khấu hao theo giá trị phân bổ hàng năm thể hiện trên quyết định này. Các dự án đầu tư đã hoàn thành và không đăng ký sở hữu trí tuệ được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí theo đường thẳng kể từ năm 2013, thời gian phân bổ được ghi nhận theo quyết định thu hồi vốn đầu tư của dự án tương ứng.

## 2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

## 2.12 . Các khoản đầu tư dài hạn khác

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Giá trị dự phòng trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được giảm trừ trực tiếp vào giá gốc đầu tư chứng khoán và không trình bày tách biệt vào khoản mục dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán.

## 2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### 2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí thuê tài sản;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí triển khai dự án chờ phân bổ;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn;
- Chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí cho việc sản xuất và kinh doanh phần mềm CMC Internet Security Enterprise được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế, và kết chuyển vào giá vốn theo số lượng sản phẩm đã bán được trong năm.

#### 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi cổ thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### 2.17 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giả mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính của Công ty con trình bày bằng đồng tiền khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ được chuyển đổi về đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ là VND theo nguyên tắc: Tài sản, công nợ, thu nhập chi phí, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại ngày khóa sổ lập Bảng Cân đối kế toán, riêng Vốn đầu tư của chủ sở hữu được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày góp vốn của Công ty mẹ, khoản phát sinh chênh lệch trong quá trình chuyển đổi Báo cáo được trình bày trên khoản mục Chênh lệch tỷ giá của Bảng cân đối kế toán.

### 2.18 . Ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 2.19 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đí vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 2.20 . Các khoản thuế

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Tiền mặt	4.156.534.258	8.972.038.411
Tiền gửi ngân hàng	36.920.709.856	33.397.336.934
Các khoản tương đương tiền	7.075.217.222	20.500.000.000
	<b>48.152.461.336</b>	<b>62.869.375.345</b>

### 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	21.560.138.311	21.083.568.126
	<b>21.560.138.311</b>	<b>21.083.568.126</b>

(\*) Công ty cho vay với thời hạn cho vay là 12 tháng và lãi suất cho vay là 12,5%/năm.

## 5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Bảo hiểm y tế	-	14.714.243
Bảo hiểm xã hội	171.040.921	26.120.802
Kinh phí công đoàn	1.987.848.031	-
Phải thu về doanh thu ước tính theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành - Dịch vụ phần mềm tại CMC soft (i)	53.292.435.877	35.391.549.658
Phải thu lãi tiền cho vay	2.183.092.102	737.573.883
Công ty Điện tử Hanel (Chuyển tiền vào TK tạm giữ liên doanh DA Hạ tầng KT)	1.136.451.002	1.136.451.002
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	-	5.223.706.786
Công ty Cổ phần NetNam	67.456.507	67.441.614
Công ty Cổ phần liên doanh Ciber - CMC	295.841.677	398.922.195
Phải thu từ chuyên nhượng cổ phần	10.000.000.000	-
Tiền thuế GTGT đang chờ được hoàn	17.434.530.311	-
Phải thu khác	7.622.154.450	13.787.960.115
	<b>94.190.850.878</b>	<b>56.784.440.298</b>

(i): Năm trước, Phải thu về doanh thu cung cấp dịch vụ phần mềm ước tính được ghi nhận trên khoản mục Phải thu khách hàng khi phát hành hóa đơn tài chính. Năm nay, các khoản phải thu này được ghi nhận trên khoản mục Phải thu khác và Công ty CMC soft không thực hiện phát hành hóa đơn tài chính đối với doanh thu ước tính.

## 6 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÂN HẠN KHÓ ĐỜI

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Phải thu khách hàng	(29.927.135.612)	(21.106.500.365)
Phải thu khác	(197.992.307)	-
	<b>(30.125.127.919)</b>	<b>(21.106.500.365)</b>

## 7 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	12.926.103.000	2.410.187.346
Nguyên liệu, vật liệu	16.394.953.502	1.060.196.611
Công cụ, dụng cụ	15.770.904.083	859.336.206
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.639.446.019	24.114.241.189
Thành phẩm	820.360.633	14.686.192.493
Hàng hóa	187.208.438.894	281.404.172.604
Hàng gửi đi bán	681.505.557	1.855.088.918
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.948.469.794)	(6.675.351.737)
	<b>240.493.241.894</b>	<b>319.714.063.629</b>

## 8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGÂN HẠN

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	203.808.809	1.031.784.783
Chi phí hoạt động chờ phân bổ	-	947.376.000
Chi phí trả trước của các dự án	157.998.055	716.645.282
Chi phí bảo hành	-	759.684.805
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.408.894.867	3.342.900.354
	<b>4.770.701.731</b>	<b>6.798.391.224</b>

## 9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.688.915.200	352.125.908
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.278.000	1.278.000
Thuế xuất nhập khẩu	1.761.050.663	1.528.268.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.324.731	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.660.204
Các loại thuế khác	14.642.167	13.285.218
	<b>3.511.210.761</b>	<b>1.899.617.403</b>

## 10 . TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Tài sản thiểu chờ xử lý	384.754.282	-
Tạm ứng	50.824.065.597	38.235.019.222
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	238.965.999	1.710.166.000
	<b>51.447.785.878</b>	<b>39.945.185.222</b>

## 11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục I

## 12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị	Công VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ		
Số tăng trong kỳ		
- <i>Tăng do Công ty CMC TI chuyển từ Công ty liên kết thành Công ty con</i>	300.120.000	300.120.000
Công ty con	<u>300.120.000</u>	<u>300.120.000</u>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>300.120.000</u>	<u>300.120.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ		
Số tăng trong kỳ		
- <i>Khấu hao TSCD trong kỳ</i>	136.931.882	136.931.882
- <i>Tăng do Công ty CMC TI chuyển từ Công ty liên kết thành Công ty con</i>	76.629.993	76.629.993
Công ty con	<u>60.301.889</u>	<u>60.301.889</u>
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>136.931.882</u>	<u>136.931.882</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu kỳ		
Tại ngày cuối kỳ	<u>163.188.118</u>	<u>163.188.118</u>

## 13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 2

## 14 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DẠNG

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
<b>Xây dựng cơ bản dờ dang</b>		
- Dự án Khu Công nghệ phần mềm Quang Trung	124.040.304.483	63.338.406.652
- Dự án: Khu công nghệ cao TP Hồ Chí Minh	3.593.895.817	3.593.895.817
- Dự án Di dời Data center từ Sài Đồng về CMC Tower	16.786.677.168	15.816.883.264
- Dự án Point to Point	422.618.496	422.618.496
- Dự án ERP	17.852.157.014	17.852.157.014
- Dự án Appliance Server	596.041.215	596.041.215
- Dự án Xây dựng nhà trạm Thành phố Hồ Chí Minh	16.663.170.323	15.204.088.943
- Tiền thuê đất dài hạn khu Hanel thực hiện Dự án Khu Công viên Công nghệ thông tin Hà Nội (i)	3.428.509.090	3.428.509.090
- Dự án Mở rộng hạ tầng mạng EOC cung cấp dịch vụ internet băng thông rộng	47.056.265.352	-
- Dự án cáp quang biển APG	13.345.720.550	-
- Dự án khác	4.295.249.458	1.920.976.698
<b>Mua sắm TSCD</b>	<u>101.550.485</u>	<u>-</u>
	<u>124.141.854.968</u>	<u>63.338.406.652</u>

(i) Đây là khoản tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Sài Đồng B của Công ty CMS đã trả cho Công ty Điện tử Hà Nội (Hanel) - Chủ đầu tư lô II, III thuộc Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Sài Đồng B" theo hợp đồng thuê đất số 42 HD/TLD ngày 17/9/2004 và Phụ lục hợp đồng ngày 29/9/2004 để chuẩn bị thực hiện dự án "Xây dựng Trụ sở làm việc và nhà máy CMS".

Đến nay chủ đầu tư dự án - Công ty Điện tử Hà Nội (Hanel) đã được chuyển giao sang Công ty TNHH Thương mại Him Lam để đầu tư dự án "Khu công viên công nghệ thông tin Hà Nội" theo Công văn số 4743/UBND-KHĐT ngày 31/8/2007 của UBND Thành phố Hà Nội. Do vậy hồ sơ dự án trên của Công ty CMS hiện vẫn đang được Ban quản lý các Khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội xem xét.

## 15 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.015.475.356	12.564.931.717
Công ty Liên doanh Ciber CMC	4.880.111.408	4.545.025.132
Công ty Cổ phần Net Nam	7.135.363.948	1.631.028.947
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	-	6.388.877.638
Đầu tư dài hạn khác	2.686.417.400	2.686.417.400
Góp vốn vào Công ty Vijasgate	627.044.400	627.044.400
Đại học quốc tế Bắc Hà	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH Phần mềm Thông Nhất	59.373.000	59.373.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(276.865.874)	-
	<u>14.425.026.882</u>	<u>15.251.349.117</u>

## Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty liên doanh Ciber- CMC	Việt Nam	49,90%	49,90%	Sản xuất, cung cấp dịch vụ phần mềm
Công ty Cổ phần Net Nam	Việt Nam	41,14%	41,14%	Cung cấp dịch vụ về mạng Internet

## 16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	42.143.481.653	2.643.690.044
Chi phí trả trước cho dự án Whizable	-	284.190.397
Chi phí trả trước dài hạn-Dịch vụ BlueCare	-	178.807.571
Chi phí trả trước dài hạn-Dịch vụ BlueNet	-	2.072.023.711
Chi phí trả trước dài hạn-Dịch vụ BlueLife	-	948.139.647
Chi phí trả trước dài hạn-Dịch vụ BlueData	-	4.271.110.299
Chi phí trả trước dài hạn-Văn phòng	-	1.839.414.478
Chi phí trả trước dài hạn-Dịch vụ VAS	-	1.262.052.488
Chi phí môi giới cho thuê văn phòng	2.117.885.988	2.655.330.402
Chi phí thuê kênh, đường truyền, internet	14.118.742.433	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.605.568.849	-
Chi phí nghiên cứu (dự án, thị trường, phát triển sản phẩm) tại CMC	7.633.147.968	-
TI		
Chênh lệch giữa số tiền đầu tư và vốn góp thực nhận khi sáp nhập	5.352.000.000	-
Chi phí triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình	9.546.357.746	3.496.432.167
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.943.398.430	19.651.191.204
	<u>91.460.583.067</u>	<u>19.651.191.204</u>

## 17 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.768.937.416	2.620.287.188
	<u>2.768.937.416</u>	<u>2.620.287.188</u>

## 18 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Vay ngắn hạn	501.875.398.080	424.377.104.775
Vay ngân hàng	472.489.208.712	408.170.594.427
Vay đối tượng khác	29.386.189.368	16.206.510.348
Nợ dài hạn đến hạn trả (chi tiết xem Thuyết minh số 23)	68.128.425.945	36.134.856.000
	<b>570.003.824.025</b>	<b>460.511.960.775</b>

Thông tin về số dư các khoản vay ngắn hạn tại thời điểm 31/03/2013 (Chi tiết về nội dung tại Phụ lục 3):

	Vay ngắn hạn VND	Vay đối tượng khác VND
1. Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (CMC TI)	2.997.890.780	-
2. Công ty TNHH Máy tính CMS	-	5.768.125.000
3. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại CMC (CMC P&T)	417.442.078.247	1.000.000.000
4. Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC (CSI)	29.468.115.000	134.349.067
5. Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC (CMC Soft)	7.198.735.325	1.890.000.000
6. Công ty TNHH Tích hợp hệ thống Sài Gòn (CSI Sài Gòn)	8.882.389.360	3.445.000.000
7. Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	6.500.000.000	17.148.715.301
	<b>472.489.208.712</b>	<b>29.386.189.368</b>

## 19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.250.730.614	5.220.308.095
Thuế xuất, nhập khẩu	993.504.086	1.044.449.859
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.988.533.689	3.589.181.428
Thuế thu nhập cá nhân	2.537.747.200	1.059.811.662
Các loại thuế khác	78.201.023	1.235.000.203
	<b>11.848.716.612</b>	<b>12.148.751.247</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Trích trước chi phí cho các dự án	1.958.613.099	425.353.929
Chi phí lãi vay phải trả	1.710.411.843	1.201.351.044
Trích trước giá vốn của Hợp đồng dịch vụ đã ghi nhận doanh thu	17.741.411.737	7.572.875.762
Chi phí thuê trọ điện	674.029.944	-
Trích trước chi phí thuê băng thông quốc tế	3.197.241.928	-
Bảo dưỡng đường truyền	584.360.000	-
Chi phí cho dịch vụ Voip	7.042.374.697	-
Chi phí phải trả khác	2.849.595.424	675.185.916
	<b>35.758.038.672</b>	<b>9.874.766.651</b>

## 21 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	7.910.567	-
Kinh phí công đoàn	1.614.080.997	1.293.045.969
Bảo hiểm xã hội	4.081.366.407	1.984.418.259
Bảo hiểm y tế	1.597.361.226	478.154.143
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	841.670.977	388.000.000
Bảo hiểm thất nghiệp	757.207.971	225.076.022
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.702.410.909	16.803.852.443
- <i>Cước vận chuyển hàng</i>	-	254.669.278
- <i>Tiền Rebate của các hãng trả</i>	645.462.168	1.084.641.203
- <i>Lãi vay cá nhân phải trả</i>	1.273.603.284	347.813.502
- <i>Vay cá nhân không phải trả lãi</i>	7.362.178.994	3.215.174.654
- <i>Phải trả tiền hỗ trợ nhận từ nhà cung cấp cho khách hàng</i>	3.018.058.776	-
- <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	7.403.107.687	11.901.553.806
	<u>28.602.009.054</u>	<u>21.172.546.836</u>

## 22 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	15.091.609.620	14.368.337.027
	<u>15.091.609.620</u>	<u>14.368.337.027</u>

## 23 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Vay dài hạn	138.379.564.707	90.122.574.023
Vay ngân hàng	138.379.564.707	90.122.574.023
	<u>138.379.564.707</u>	<u>90.122.574.023</u>

Thông tin về số dư các khoản vay dài hạn tại 31/03/2013 (chi tiết về nội dung tại Phụ lục số 4):

	Vay dài hạn VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND
1. Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC (CMC TI)	55.371.145.104	25.150.961.519
2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	83.008.419.603	42.977.464.426
	<u>138.379.564.707</u>	<u>68.128.425.945</u>

## 24 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Thu trước tiền cước cho nhiều kỳ các dịch vụ viễn thông (FTTH, ADSL,...)	15.648.123.215	5.871.794.441
Doanh thu cho thuê văn phòng	5.668.807.951	6.881.361.675
Dịch vụ khác	955.326.910	-
	<u>22.272.258.076</u>	<u>12.753.156.116</u>

## 25 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 5.

## b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013 VND	Từ 01/04/2011 đến 31/03/2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	673.419.530.000	635.362.670.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	38.056.860.000
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	673.419.530.000	673.419.530.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	38.056.860.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	-
c) Cổ phiếu		
	31/03/2013	01/04/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	67.341.953	67.341.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	67.341.953	67.341.953
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.341.953	67.341.953
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	832.959	99.259
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	832.959	99.259
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.508.994	67.242.694
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.508.994	67.242.694
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu		

## 26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013 VND	Từ 01/04/2011 đến 31/03/2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.659.488.861.347	2.863.706.053.611
	<u>2.659.488.861.347</u>	<u>2.863.706.053.611</u>

## 27 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013 VND	Từ 01/04/2011 đến 31/03/2012 VND
Chiết khấu thương mại	14.064.565.831	23.772.022.231
Hàng bán bị trả lại	112.153.076.589	57.027.122.319
Giảm giá hàng bán	1.863.970.141	2.838.987.523
	<b>128.081.612.561</b>	<b>83.638.132.073</b>

## 28 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013 VND	Từ 01/04/2011 đến 31/03/2012 VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	<b>2.531.407.248.786</b>	<b>2.780.067.921.538</b>
	<b>2.531.407.248.786</b>	<b>2.780.067.921.538</b>

## 29 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013 VND	Từ 01/04/2011 đến 31/03/2012 VND
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	<b>2.190.077.864.279</b>	<b>2.517.665.796.088</b>
	<b>2.190.077.864.279</b>	<b>2.517.665.796.088</b>

## 30 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013 VND	Từ 01/04/2011 đến 31/03/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.030.256.673	2.314.700.649
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.996.137.857	54.741.675.277
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	138.412.651	1.579.509.416
Lãi bán hàng trả chậm	49.621.411	247.147.099
Doanh thu hoạt động tài chính khác	<b>25.150.701</b>	<b>3.485.195.864</b>
	<b>8.239.579.293</b>	<b>62.368.228.305</b>

## 31 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013 VND	Từ 01/04/2011 đến 31/03/2012 VND
Lãi tiền vay	72.247.469.475	114.322.622.814
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	282.730.359	3.185.632.034
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.883.371.814	49.473.212.145
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	145.039.566	4.501.967.967
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	276.865.874	-
Chi phí tài chính khác	<b>350.521.029</b>	<b>36.209.044</b>
	<b>79.185.998.117</b>	<b>171.519.644.004</b>

## 32 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013 VND	Từ 01/04/2011 đến 31/03/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.273.642.957	14.405.401.503
Chi phí nhân công	65.643.218.276	32.968.559.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.938.958.795	3.020.958.949
Thuế, phí và lệ phí	565.047.104	1.882.849.800
Chi phí bảo hành	448.317.757	13.245.078.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.338.670.336	46.082.456.747
Chi phí khác bằng tiền	26.356.705.321	37.819.841.110
	<b>161.564.560.546</b>	<b>149.425.146.164</b>

## 33 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013 VND	Từ 01/04/2011 đến 31/03/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.897.919.148	13.812.635.589
Chi phí nhân công	47.681.155.695	38.952.577.164
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.821.776.516	3.810.429.144
Thuế, phí và lệ phí	1.041.916.343	4.038.594.479
Chi phí dự phòng	9.795.307.372	2.214.357.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.935.013.429	4.108.580.567
Chi phí khác bằng tiền	15.781.788.765	28.951.395.164
	<b>97.954.877.268</b>	<b>95.888.569.325</b>

## 34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

## 34.1 Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013 VND	Từ 01/04/2011 đến 31/03/2012 VND
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	72.532.849	233.114.126
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC	3.354.316.264	2.454.233.002
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC Sài Gòn	1.461.188.681	126.437.919
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>4.888.037.794</b>	<b>2.813.785.047</b>

## 34.2 Thuế thu nhập hoãn lại

	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	312.273.980
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ lỗ tính thuế chưa sử dụng tại Công ty mẹ	3.174.964.586	-
	<u>3.174.964.586</u>	<u>312.273.980</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ chênh lệch tạm thời chịu thuế tại Công ty mẹ	2.202.802.112	-
	<u>2.202.802.112</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải chịu thuế tại Công ty mẹ	2.515.076.092	(312.273.980)
Phát sinh từ lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng tại Công ty mẹ	(3.174.964.586)	-
	<u>(659.888.494)</u>	<u>(312.273.980)</u>

## 35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013 VND	Từ 01/04/2011 đến 31/03/2012 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	10.050.734.044	(101.022.932.676)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.050.734.044	(101.022.932.676)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	67.238.663	65.428.477
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>149</u>	<u>(1.544)</u>

## 36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

## Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kê toán			
	31/03/2013 Giá gốc VND	Dự phòng VND	01/04/2012 Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.152.461.336	-	62.869.375.345	-
Phái thu khách hàng, phái thu khác	493.348.724.514	(30.125.127.919)	536.884.571.152	(21.106.500.365)
Đầu tư ngắn hạn	21.560.138.311	-	21.083.568.126	-
Đầu tư dài hạn	2.686.417.400	(276.865.874)	2.686.417.400	-
	<u>565.747.741.561</u>	<u>(30.401.993.793)</u>	<u>623.523.932.023</u>	<u>(21.106.500.365)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay vả nợ	708.383.388.732	550.634.534.798
Phải trả người bán, phải trả khác	224.131.992.417	323.963.037.584
Chi phí phải trả	35.758.038.672	9.874.766.651
	<b>968.273.419.821</b>	<b>884.472.339.033</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi cố hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/03/2013</b>				
Vay và nợ	570.003.824.025	83.008.419.603	55.371.145.104	708.383.388.732
Phải trả người bán, phải trả khác	224.131.992.417	-	-	224.131.992.417
Chi phí phải trả	35.758.038.672	-	-	35.758.038.672
	<b>829.893.855.114</b>	<b>83.008.419.603</b>	<b>55.371.145.104</b>	<b>968.273.419.821</b>
<b>Tại ngày 01/04/2012</b>				
Vay và nợ	460.511.960.775	90.122.574.023	-	550.634.534.798
Phải trả người bán, phải trả khác	323.963.037.584	-	-	323.963.037.584
Chi phí phải trả	9.874.766.651	-	-	9.874.766.651
	<b>794.349.765.010</b>	<b>90.122.574.023</b>	<b>-</b>	<b>884.472.339.033</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu – Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Bán hàng VND	Cung cấp dịch vụ VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ HD KD	1.562.030.403.870	969.376.844.916	2.531.407.248.786
Giá vốn hàng bán	1.512.359.708.216	677.718.156.063	2.190.077.864.279
Lợi nhuận gộp từ HD KD	49.670.695.654	291.658.688.853	341.329.384.507

Báo cáo bộ phận thứ yếu – Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## 39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ Dư VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2013 VND	Từ 01/04/2011 đến 31/03/2012 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần liên doanh Ciber CMC	Công ty liên kết	967.802.656	1.292.494.040
Công ty Cổ phần Net Nam	Công ty liên kết	64.590.000	-
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty Cổ phần Net Nam	Công ty liên kết	509.809.698	-
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>			
Công ty Cổ phần Net Nam	Công ty liên kết	1.028.505.000	1.785.600.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/03/2013 VND	01/04/2012 VND
<b>Phải thu</b>			
Công ty Cổ phần liên doanh Ciber CMC	Công ty liên kết	295.841.677	398.922.195
Công ty Cổ phần Net Nam	Công ty liên kết	67.456.507	67.456.507
<b>Phải trả</b>			
Công ty Cổ phần liên doanh Ciber CMC	Công ty liên kết	424.518.900	-
Công ty Cổ phần Net Nam	Công ty liên kết	162.057.694	-

## 40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ ngày 01/04/2011 đến ngày 31/03/2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán. Trong số liệu so sánh năm trước, giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC được ghi nhận là khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
<b>a) Bảng Cân đối kế toán</b>			
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	141	-	11.300.087.225
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình	228	11.300.087.225	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	141	-	(2.459.913.752)
- Hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình	229	(2.459.913.752)	-

LÊ THANH SƠN  
Giám đốc tài chính



NGUYỄN TRUNG CHÍNH  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2013

## Phụ lục 1 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Công VND
VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	236.248.876.025	155.105.867.266	8.176.616.130	14.656.760.453	414.977.924.284
Số tăng trong kỳ	7.973.450.643	106.645.883.446	55.844.026.885	6.691.518.872	(110.411.675)
- Mua trong kỳ	-	4.318.642.103	8.364.497.360	2.895.706.987	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	308.375.727	5.070.917.490	3.068.460.117	-	8.447.753.334
- Tăng do Công ty CMC TT chuyên từ	-	-	-	-	-
Công ty liên kết thành Công ty con	6.937.549.306	26.892.407.441	44.368.098.225	2.289.317.413	116.890.994.886
- Phân loại lại	727.525.610	161.869.664	42.971.183	1.506.494.472	(141.944.175)
- Tăng khác	(28.299.928.921)	(8.377.098.028)	-	-	35.237.478.227
Số giảm trong kỳ	(28.299.928.921)	(6.937.549.306)	(6.049.340.631)	(4.327.881.474)	889.395.274
- Phân loại lại	-	(1.378.701.762)	(3.950.329.431)	(3.285.026.440)	(47.073.749.054)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.099.011.200)	(1.042.855.034)	(35.237.478.227)
- Giảm khác	-	(60.846.960)	-	-	(8.633.557.633)
Số dư cuối kỳ	215.922.397.747	253.374.652.684	57.971.302.384	17.020.397.851	544.948.643.401
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	5.866.370.996	31.577.113.098	3.489.479.544	11.623.307.032	272.942.410
Số tăng trong kỳ	5.497.921.847	35.975.805.429	19.753.344.072	3.947.079.604	64.014.895
- Khấu hao trong kỳ	5.497.921.847	24.551.343.553	11.823.958.807	2.931.301.068	116.038.988
- Tăng do Công ty CMC TT chuyên từ	-	-	-	-	-
Công ty liên kết thành Công ty con	-	11.354.627.259	7.917.613.815	938.604.204	9.106.139
- Phân loại lại	-	-	11.771.450	54.854.365	(61.130.232)
- Tăng khác	-	69.834.617	(2.601.626.673)	22.319.967	5.495.583
Số giảm trong kỳ	-	(1.372.677.162)	(3.161.284.577)	(8.733.065)	92.154.584
- Chuyển sang BDS đầu tư	-	-	-	-	(7.144.321.477)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(675.664.352)	(2.599.164.493)	(3.046.351.924)	(6.329.913.834)
- Giảm khác	-	(697.012.810)	(2.462.180)	(114.932.653)	(814.407.643)
Số cuối kỳ	11.364.292.843	66.180.241.365	20.641.196.943	12.409.102.059	328.224.240
Giá trị còn lại	230.382.505.029	123.528.754.168	4.687.136.586	3.033.453.421	516.862.000
Tai ngay đầu kỳ	204.558.104.904	187.194.411.319	37.330.105.441	4.611.295.792	331.668.495
Tai ngay cuối kỳ					434.025.585.951

## Phụ lục 2 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhận hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Công VND
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	11.508.837.225	432.086.545	1.129.547.617	774.959.287	13.845.430.674
Số tăng trong kỳ	7.527.823.559	-	3.982.837.400	15.000.000	11.525.660.959
- Mua trong kỳ	-	-	344.000.000	15.000.000	359.000.000
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-	7.527.823.559
- Tăng do Công ty CMC TI chuyển từ Công ty liên kết thành Công ty con	-	-	2.794.800.000	-	2.794.800.000
- Tăng khác	-	-	844.037.400	-	844.037.400
<b>Số giảm trong kỳ</b>	<b>19.036.660.784</b>	<b>432.086.545</b>	<b>5.112.385.017</b>	<b>789.959.287</b>	<b>25.371.091.633</b>
<b>Giá trị hao mòn Italy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	2.459.913.752	159.164.946	508.239.053	305.003.666	3.432.321.417
Số tăng trong kỳ	2.548.247.084	49.041.997	981.155.812	172.910.511	3.751.355.404
- Khấu hao trong kỳ	2.548.247.084	49.041.997	712.807.563	172.910.511	3.483.007.157
- Tăng khác	-	-	51.798.460	-	51.798.460
- Tăng do Công ty CMC TI chuyển từ Công ty liên kết thành Công ty con	-	-	216.549.787	-	216.549.787
<b>Số giảm trong kỳ</b>	<b>5.008.160.836</b>	<b>208.206.543</b>	<b>1.489.394.865</b>	<b>477.914.177</b>	<b>7.183.676.821</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	9.048.923.473	272.921.599	621.308.564	469.955.621	10.413.109.257
Tại ngày cuối kỳ	<b>14.028.499.948</b>	<b>223.879.602</b>	<b>3.622.990.152</b>	<b>312.045.110</b>	<b>18.187.414.812</b>

## Phụ lục 3: CHI TIẾT CÁC KHOẢN VAY NGÂN HẠN TẠI 31/03/2013

	Vay ngân hàng VND	Vay đối tượng khác VND
1. Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (CMC TI)	2.997.890.780	-
2. Công ty TNHH Máy tính CMS	-	5.768.125.000
3. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại CMC (CMC P&T)	417.442.078.247	1.000.000.000
4. Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC (CSI)	29.468.115.000	134.349.067
5. Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC (CMC Soft)	7.198.735.325	1.890.000.000
6. Công ty TNHH Tích hợp hệ thống Sài Gòn (CSI Sài Gòn)	8.882.389.360	3.445.000.000
7. Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	6.500.000.000	17.148.715.301
Công	<u>472.489.208.712</u>	<u>29.386.189.368</u>

*1. Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (CMC TI)**Vay ngân hàng*

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1741.12.057.229867.HMTD ngày 31/10/2012 ký với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm; hạn mức vay là 3 tỷ đồng; thời hạn vay và lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng khé ước nhận nợ; Khoản vay để bổ sung vốn lưu động. Số dư nợ gốc vay tại 31/03/2013 là 2.997.890.780 VND, khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

*2. Công ty TNHH Máy tính CMS**Vay đối tượng khác*

Công ty TNHH Máy tính CMS thực hiện vay vốn một số cá nhân để kinh doanh, số dư nợ gốc tại ngày 31/03/2013 là 275.000 USD tương đương với 5.768.125.000 VND, lãi suất dao động theo từng hợp đồng vay, kỳ tính lãi tối đa là 03 tháng, sau thời gian hoàn gốc nếu bên cho vay không rút vốn thì mặc định hợp đồng được gia hạn thêm 1 kỳ tính lãi tiếp theo. Các khoản vay không có tài sản đảm bảo.

*3. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại CMC (CMC P&T)**Vay ngân hàng*

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1493.12.057.236246.TD ngày 11/09/2012, số dư nợ vay theo từng khé ước nhận nợ, tổng số dư các khoản vay tại 31/03/2013 là 35.520.204.530 VND và 6.952.630,58 USD tương đương với 145.204.984.781 VND; thời hạn các khoản vay là từ 3 tháng đến 5 tháng; lãi suất được thay đổi theo từng khé ước với lãi suất khoản vay VND là từ 7% đến 13,8%/năm, lãi suất khoản vay bằng USD là 5,8%/năm; khoản vay được bảo đảm bằng hàng tồn kho luân chuyển của CMC P&T;

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số HDĐTDHM số 010811/HĐTDHM/TCB ngày 01/08/2011, Phụ lục hợp đồng ngày 14/11/2012, tổng số dư của khoản vay tại 31/03/2013 là 42.667.681.733 VND; thời hạn của các khé ước vay là 12 tháng; lãi suất được thay đổi theo từng khé ước; khoản vay được bảo đảm bằng Bảo lãnh thanh toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC và hàng hóa hình thành từ vốn vay;

Khoản vay Ngân hàng ANZ theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích ngày 12/10/2011, tổng số dư của các khoản vay tại 31/03/2013 là 79.991.595.400 VND và 1.604.482,4 USD tương đương với 33.458.534.547 VND; thời hạn của các khé ước vay là 31 ngày; lãi suất được thay đổi theo từng khé ước với lãi suất khoản vay VND là từ 10,5% đến 12,5%/năm, lãi suất khoản vay bằng USD là 5,3%/năm; khoản vay được bảo đảm bằng Bảo lãnh Công ty không hủy ngang và vô điều kiện theo mẫu được ANZ chấp nhận do các Bên Bảo lãnh phát hành cho bên thụ hưởng ANZ, thế chấp với quyền ưu tiên thứ nhất đối với hàng hóa tồn kho được tài trợ bởi ANZ và các khoản phải thu phát sinh từ tiền bán hàng hóa được tài trợ bởi ANZ, cho ANZ;

### Phụ lục 3: CHI TIẾT CÁC KHOẢN VAY NGÂN HẠN TẠI 31/03/2013 (tiếp theo)

#### 3. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại CMC (CMC P&T)

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số số 01.1937923.2012/HDTDHM ngày 29/11/2012, tổng số dư của các khoản vay tại 31/03/2013 là 58.148.965.756 VND và 1.077.575 USD (tương đương với 22.450.111.500 VND); Khoản vay được bảo đảm bằng: Thé cháp cầm cố bằng tài sản của bên thứ 3, Cầm cố cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông CMC, Thé cháp Tòa nhà CMC đảm bảo chung cho khối CMC với giá trị dự toán là 329.597.047.000 VND, Đảm bảo bằng toàn bộ số dư tiền gửi tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác, Các tài sản bảo đảm khác thuộc sở hữu của bên vay và của người thứ 3: quyền đòi nợ, hàng tồn kho, khoản phải thu, Tài sản cố định được ngân hàng và bên vay thỏa thuận;

##### Vay đối tượng khác

Khoản vay cá nhân theo hợp đồng vay số 15102011/CMCD-TN ngày 15/10/2011 với số tiền vay là 1 tỷ VND, lãi suất vay là 10,5%/năm; số dư khoản vay tại 31/03/2013 là 1 tỷ VND; khoản vay được bảo đảm bằng hình thức tín chấp.

#### 4. Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC (CSI)

##### Vay ngân hàng

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo Khế ước nhận nợ số LD1302900509/176 tháng 1/2013, số tiền nhận nợ 29.468.115.000 VNĐ, lãi suất 13%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần.

##### Vay đối tượng khác

Khoản vay cá nhân số tiền 134.349.067 VND ngày 26/06/2009, khoản vay không thời hạn, lãi suất vay 10%/năm.

#### 5. Công ty TNHH Giải pháp phần mềm CMC (CMC Soft)

##### Vay ngân hàng

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Quân đội theo Hợp đồng tín dụng số 1527.12.057.247790.HMTD ngày 11/09/2012 để thực hiện hợp đồng cung cấp thiết bị và dịch vụ cho Cục Tin học và Thông kê - Bộ Tài chính. Khoản vay được đảm bảo bằng khoản phải thu từ các hợp đồng này với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 13.052.795.000 VND, số tiền vay được giải ngân tối đa bằng 70% giá trị tài sản đảm bảo, thời hạn vay và lãi suất được xác định cụ thể đối với từng khế ước vay. Tổng số gốc vay tính đến 31/03/2013 là 7.198.735.325 VNĐ.

##### Vay đối tượng khác

Khoản vay cá nhân theo các khế ước 0028/2013/KUNN ngày 08/03/2013 và 0033/2013/KUNN ngày 22/03/2013 với lãi suất tương ứng lần lượt là 13,8%/năm và 13,5%/năm, thời hạn vay 1 tháng đối với từng khế ước vay, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Tổng số gốc vay đến 31/03/2013 là 1.390.000.000 VND.

Khoản vay cá nhân theo hợp đồng vay số 20.12.2012/HĐVV-CMC ngày 20/12/2012 với lãi suất tương ứng là 12%/năm, thời hạn vay 6 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Tổng số gốc vay đến 31/03/2013 là 500.000.000 VND.

#### 6. Công ty TNHH Tích hợp hệ thống Sài Gòn (CSI Sài Gòn)

##### Vay ngân hàng

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 48.12.110.947468.TD.HM.DN ngày 15/02/2012; hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VND; thời hạn vay theo từng Khế ước nhận nợ và tối đa 03 tháng; lãi suất theo từng Khế ước nhận nợ; Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phát hành bão lanh (dự thầu, thực hiện hợp đồng, tạm ứng, bảo hành, bảo lãnh thanh toán thuế) phục vụ sản xuất kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay hoặc mở thư tín dụng (L/C) có liên quan; hình thức đảm bảo tiền vay: Thé cháp hàng hóa hình thành từ vốn vay hoặc quyền đòi nợ tương ứng của phương án phát sinh trước đó. Số dư nợ gốc tại 31/03/2013 là 8.882.389.360 VND.

**Phụ lục 3: CHI TIẾT CÁC KHOẢN VAY NGÂN HẠN TẠI 31/03/2013 (tiếp theo)**

**6. Công ty TNHH Tích hợp hệ thống Sài Gòn (CSI Sài Gòn)**

*Vay đối tượng khác*

Là các khoản vay của các cá nhân để bổ sung vốn kinh doanh với thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất 12%/năm đến 13%/năm, hình thức đảm bảo khoản vay là tín chấp, số dư nợ gốc vay tại 31/03/2013 là 3.445.000.000 VND.

**7. Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC**

*Vay ngân hàng*

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1492.12.057.247790.HMTD ngày 11/09/2012 vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm, hạn mức vay tối đa khoản vay là 40.000.000.000 VND và được duy trì đến hết ngày 31/08/2013; thời hạn vay cụ thể và lãi suất theo từng khê ước nhận nợ; số dư nợ gốc tại 31/03/2013 là 6.500.000.000 VND; khoản vay được đảm bảo bằng hàng hóa hình thành từ vốn vay, quyền đòi nợ tương ứng phương án vay vốn hoặc phương án đã phát sinh trước đó.

*Vay đối tượng khác*

Các khoản vay cá nhân theo các hợp đồng tín dụng ngắn hạn có thời hạn vay từ 12 tháng trở xuống theo hình thức tín chấp; lãi suất vay biến động theo lãi suất của ngân hàng thương mại từng thời điểm; số dư nợ gốc vay tại 31/03/2013 là 17.148.715.301 VND.

## Phụ lục 4: CHI TIẾT CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN

	Vay ngân hàng VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND
1. Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC (CMC TI)	55.371.145.104	25.150.961.519
2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	83.008.419.603	42.977.464.426
Cộng	<b>138.379.564.707</b>	<b>68.128.425.945</b>

*1. Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC (CMC TI)**Vay ngân hàng*

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 390.10.057.229867.TD ngày 02/11/2010 ký với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm; Mục đích vay để đầu tư xây dựng trung tâm Data Center tại tòa nhà CMC khu công nghệ cao TP HCM; Thời hạn vay 36 tháng kể từ khi giải ngân; Tổng giá trị khoản vay cam kết là 464.270 USD; Hình thức đảm bảo khoản vay là toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án; Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2013 là 2.986.779.950 VND và đến hạn thanh toán trong kỳ tới.

Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 493.11.057.229867.TD ngày 23/09/2011 ký với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm; Mục đích sử dụng khoản vay để Đầu tư dự án di dời Data Center Sài Đồng về tầng 3 tòa nhà CMC-Cầu Giấy; Thời hạn vay 24 tháng kể từ khi giải ngân; Tổng giá trị khoản vay cam kết tối đa là 3.500.000.000 VND; Hình thức đảm bảo khoản vay là máy móc thiết bị tổng giá trị 10.000.000.000 VND; Thời gian đáo hạn 23/09/2013; Lãi suất thả nỗi điều chỉnh 3 tháng 1 lần kể từ sau ngày giải ngân theo lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng (lãi cuối kỳ, VND) cộng với biên độ 7%; số dư nợ gốc tại 31/03/2013 là 814.121.569 VND và đến hạn thanh toán trong kỳ tới.

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01.2570354/2010/HDTDDH ngày 27 tháng 05 năm 2010; Bên cho vay là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1, lãi suất cho vay thả nỗi được tính bằng tổng của lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 12 tháng và lãi suất biến 3,3%/năm; Thời hạn cho vay là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Hạn mức tín dụng khoản vay là 98.000.000.000 đồng; Phương thức bảo đảm khoản vay là: thế chấp toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư là toàn dự án "Thiết lập hạ tầng mạng FTTx cung cấp dịch vụ Internet băng thông rộng trên địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh- giai đoạn 1", bao lãnh của các cổ đông: Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) với số tiền là 20,4 tỷ VND và Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC với số tiền là 19,6 tỷ VND và cầm cố bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư MVI (do ông Hà Thế Minh - Chủ tịch Hội đồng thành viên làm đại diện đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC) và Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh (do ông Nguyễn Trung Chính - Chủ tịch Hội đồng thành viên làm đại diện đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC). Trong kỳ, nghĩa vụ bảo lãnh của SCIC đã được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 05/12/2011 về việc tiếp nhận nghĩa vụ bảo lãnh của SCIC. Số dư nợ gốc tại 31/03/2013 là: 76.571.145.104 VND và nợ đến hạn trả trong kỳ tới là 21.200.000.000 VND.

Hợp đồng thuê sử dụng thiết bị máy chủ số 180711-M19/CU-CMCTI-NTC/HD ngày 18/07/2011 giữa Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC với Công ty TNHH Tin học Viễn thông Nhất Tiên Chung. Theo đó, Công ty Nhất Tiên Chung cho Công ty thuê các thiết bị máy chủ trong thời gian tối thiểu là 12 tháng, sau thời hạn thuê tối thiểu hoặc sau khi Công ty thực hiện hoàn tất nghĩa vụ thanh toán thì tài sản thuê thuộc quyền sở hữu của Công ty. Đến thời điểm 31/03/2013 tổng số dư nợ gốc dài hạn đến hạn trả là 150.060.000 VND.

**Phụ lục 4: CHI TIẾT CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN (*tiếp theo*)**

**2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC**

*Vay ngân hàng*

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01.1200047/2006/HĐTDDH ngày 06/12/2006 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 với mục đích tài trợ cho Dự án xây dựng Công trình Tòa nhà Tri thức. Số dư nợ gốc khoản vay tại thời điểm 31/03/2013 là 86.600.487.503 VND và 382.500 USD (tương đương 8.001.900.000 VNĐ). Trong đó nợ đến hạn trả trong năm tài chính tiếp theo là 21.000.000.000 VND (Theo điều khoản điều chỉnh lịch trả nợ gốc quy định tại Phụ lục số 05/1200047/2012/PLHĐTĐH ngày 25/09/2012). Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay là Tòa nhà Tri thức.

Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích và Biên bản họp Hội đồng Quản trị về việc thông qua Thỏa thuận tín dụng với Ngân hàng ANZ ký ngày 18/01/2012 với hạn mức cho vay là 3.000.000 USD. Lãi suất thay đổi theo từng thời điểm, thời hạn vay trên các khê ước giải ngân là 13 tháng. Số dư nợ gốc tại 31/03/2013 là 31.383.496.526 VND. Trong đó nợ đến hạn trả trong năm tài chính tiếp theo là 21.977.464.426 VND. Tài sản đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp bất động sản ngày 18/01/2012 và Hợp đồng cầm cố tiền gửi ngày 18/01/2012 giữa bên cho vay và Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ CMC (CMC TI) để đảm bảo cho việc bên vay thanh toán cho bên cho vay tất cả các khoản tiền nợ và cho việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của bên vay theo Hợp đồng tín dụng.

Phụ lục 5 : BẢNG ĐỔI CHIỀU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quý	Chênh lệch tỷ giá hồi đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ sau thuế chưa phân phối	Lợi nhuận sau thuế	Chênh VND
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
635.362.670.000	14.895.512.634	(1.002.990.634)	431.436.000	-	-	39.157.390.742	688.844.018.742	
Tăng vốn trong kỳ trước						-	38.056.860.000	
Lãi/(lỗ) trong kỳ trước						(101.022.932.677)	(101.022.932.677)	
Tăng khác		216.650.789		5.924.096.670	64.849.227	64.958.211	6.412.066.709	
Giảm vốn trong kỳ trước						-	-	
Chia cổ tức						-	(38.056.860.000)	(38.056.860.000)
Giảm khác				(4.822.906.446)		-	(6.318.466.770)	(11.141.373.216)
Số dư cuối kỳ trước	<b>673.419.530.000</b>	<b>15.112.163.423</b>	<b>(1.002.990.634)</b>	<b>1.532.626.224</b>	<b>64.849.227</b>	<b>64.958.211</b>	<b>(106.099.356.893)</b>	<b>583.091.779.558</b>
Tăng vốn trong kỳ này						-	-	
Lãi/(lỗ) trong kỳ này						10.050.734.044	10.050.734.044	
Tăng khác		205.700.000		283.452.217		1.586.100	490.738.317	
Mua cổ phiếu quý				(4.312.285.000)		-	(4.312.285.000)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty con						(2.134.284.497)	(2.134.284.497)	
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích công ty liên kết (i)		(10.831.539)		(3.242.461)	(3.247.911)	(41.355.232)	(58.677.143)	
Giảm do CMC TI chuyển từ Công ty liên kết thành Công ty con và PS do CMC-Tel sáp nhập vào CMC TI						(8.339.471.348)	(8.339.471.348)	
Giảm khác				(1.384.642.441)		-	(243.621.059)	(1.628.263.500)
Số dư cuối kỳ này	<b>673.419.530.000</b>	<b>15.307.031.884</b>	<b>(5.315.275.634)</b>	<b>431.436.000</b>	<b>61.606.766</b>	<b>61.710.300</b>	<b>(106.805.768.885)</b>	<b>577.160.270.431</b>

(i) Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần NetNam giảm từ 43,3% xuống 41,14%.

## CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	:	Công ty cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC/Tập đoàn CMC
CMC	:	Công ty cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC/Tập đoàn CMC
CMC SI	:	Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống CMC
CMS	:	Công ty TNHH Sản xuất Máy tính CMS
CMC Soft	:	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC
CMC P&T	:	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC
CMC Telecom	:	Công ty cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC
CMC InfoSec	:	Công ty cổ phần An ninh An toàn Thông tin CMC
CTCP	:	Công ty cổ phần
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
Cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
Điều lệ	:	Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC
ĐHĐCDĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban Kiểm soát
BĐH	:	Ban Điều hành
CBNV	:	Cán bộ nhân viên
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
TTGDCK	:	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán
SGDCK	:	Sở Giao dịch Chứng khoán
DT	:	Doanh thu
LN	:	Lợi nhuận
TS	:	Tài sản
TSCĐ	:	Tài sản cố định
TSLD	:	Tài sản lưu động
CNTT	:	Công nghệ thông tin
CNTT-VT	:	Công nghệ thông tin - Viễn thông
ICT	:	Công nghệ thông tin - Viễn thông
e-Business	:	Kinh doanh điện tử
Outsourcing	:	Dịch vụ thuê ngoài
ERP	:	Enterprise Resources Planning - Quản trị nguồn lực doanh nghiệp
ITO	:	Information Technology Outsourcing - Dịch vụ thuê ngoài công nghệ thông tin
BPO	:	Business Process Outsourcing - Dịch vụ thuê ngoài tác nghiệp
OEM	:	Original Equipment Manufacturer - Đối tác sản xuất thiết bị chuẩn
Local OEM	:	Local Original Equipment Manufacturer - Đối tác sản xuất thiết bị chuẩn khu vực
Local Hero	:	Các nhà sản xuất thiết bị chuẩn đứng đầu khu vực Châu Á Thái Bình Dương.
Bộ TT&TT	:	Bộ Thông tin và Truyền thông
VAIP	:	Hội Tin học Thành phố Hồ Chí Minh
HCA	:	Hiệp hội Doanh nghiệp phần mềm Việt Nam
VINASA	:	
TP	:	Thành phố

